TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 183/2021/HS-PT
Ngày: 06 - 4 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Hoàng Thanh Dũng

Ông Nguyễn Văn Minh

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Mậu Hưng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 242/2020/TLPT-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với các bị cáo Phan Văn H, Nguyễn Công K, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V, Nguyễn Thị Thùy L, Đào Thanh P, Lương Văn L1. Do có kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Công K, Phạm Văn R, Trần Thị Thiện M, Lương Văn L1, Đào Thanh P, Nguyễn Thị Thùy L, Đặng Thế V và kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 05/2020/HS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- *Bị cáo kháng cáo, bị kháng nghị*:

1. **Phan Văn H**, sinh năm 1965; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 35, N, khu phố 8, phường 5, Tp. M, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: số 35, N, khu phố 8, phường 5, Tp. M, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phan Văn H1 (đã chết) và bà Phạm Thị B (đã chết); bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H2 và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 14/PC46 ngày 27.12.2017; Bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn H:* Luật sư Lê Trần Hồng LS1, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tiền Giang (có mặt).

2. **Nguyễn Công K**, sinh năm 1958; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp 3A, xã Đ, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp 3A, xã Đ, thành phố, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Giám đốc Công ty TNHH MTV Công trình đô thị thành phố M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn Tr (Liệt sỹ) và bà Bùi Thị T; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thế Ng và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 13/PC46 ngày 27.12.2017; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công K:* Luật sư Nguyễn Bảo LS2 – Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

3. Trần Thị Thiện M, sinh năm 1969, tại thành phố Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp HB, xã HT, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp HB, xã HT, huyện G, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên kế toán Trưởng Công ty TNHH MTV Công trình đô thị thành phố M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Văn Đ (đã chết) và bà Phạm Thị S; bị cáo có chồng tên Nguyễn Quốc Th và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 09/PC46 ngày 27.12.2017; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thiện M theo Luật định:* Luật sư Nguyễn Phi LS3 , thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

4. **Phạm Văn R**, sinh năm: 1975; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 284/13A, TNH, phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: số 284/13A, TNH, phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Phòng kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Công trình đô thị thành phố M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Phạm Văn Tr (đã chết) và bà Huỳnh Thị A; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Thùy L và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 12/PC46 ngày 27.12.2017; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn R theo Luật định:* Luật sư Đặng Minh LS4**,** thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

5. Đặng Thế V, sinh năm: 1978; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 17/10B, LTK, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: ấp C, thị trấn TH, huyện C, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Phòng kế hoạch kinh doanh Công ty TNHH MTV Công trình đô thị thành phố M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Thế Kh và bà Phạm Thị Bé N; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ánh T và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 10/PC46 ngày 27.12.2017; bị cáo tại ngoại (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đặng Thế V theo Luật định:* Luật sư Phạm Quang LS5, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

6. Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1982; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 284/13A, TNH, phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: số 284/13A, TNH, phường 9, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Phó phòng kế toán tài vụ của Công ty TNHH MTV Công trình đô thị thành phố M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị Th; bị cáo có chồng tên Phạm Văn R và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 11/PC46 ngày 27.12.2017; bị cáo tại ngoại (có mặt).

7. Đào Thanh P, sinh năm: 1975; tại tỉnh Tiền Giang; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 03/18, QL 60, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (số 20, V, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang); Nơi cư trú: số 03/18, QL 60, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang (số 20, V, phường 6, thành phố M, tỉnh Tiền Giang); Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Phó Phòng Quản lý đô thị thành phố M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Con ông Đào Văn N và bà Trịnh Thị Ng; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị H và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 729 ngày 16.5.2019 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Đào Thanh P:* Luật sư Nguyễn Văn LS6, thuộc Đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

8. Lương Văn L1, sinh năm: 1969; tại tỉnh Ninh Bình; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: số 25B, LTHG, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Nơi cư trú: số 25B, LTHG, phường 4, thành phố M, tỉnh Tiền Giang; Trình độ học vấn: lớp 12/12; Nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Phòng tài chính kế hoạch thành phố M; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không;

Con ông Lương Văn X và bà Nguyễn Thị H; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Ngọc D và 02 con; Tiền án: Không; Tiền sự: Không; bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 732 ngày 16.5.2019 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn L1:* Luật sư Nguyễn Trung LS7, thuộc Đoàn luật sư Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- *Người giám định:*

1. Ông Đặng Thanh GĐ1 – Giám định viên tư pháp, Sở tài chính tỉnh Tiền Giang (vắng mặt).

2. Bà Đinh Thị Thủy GĐ2 – Giám định viên tư pháp, Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Kiểm soát viên:*

1. Trần Thị Xuân H1 – Kiểm soát viên, Sở tài chính tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị hại*:

1/ Ông Lâm Thiện BH1, sinh năm 1959 (xin vắng mặt)

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông Nguyễn Bá BH2, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

3/ Uỷ ban nhân dân thành phố M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thành C - Chủ tịch Uỷ ban nhân dân thành phố M (vắng mặt).

Địa chỉ: Số 36, V, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Tấn PH – Phó Trưởng phòng quản lý đô thị thành phố M (có mặt)

(Văn bản ủy quyền ngày 16/3/2021)

- *Đơn vị có liên quan:*

1/ Phòng Quản lý đô thị thành phố M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Hoàng B - Trưởng phòng Phòng Quản lý đô thị thành phố M (xin vắng mặt)

Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phạm T1 – Chức vụ: Chuyên viên - Phòng Quản lý đô thị thành phố M (có mặt).

(Văn bản ủy quyền ngày 15/12/2020)

2/ Công ty TNHH Một thành viên Công trình đô thị M.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Minh S1. Chức vụ: Chủ tịch Công ty (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Lê Thị NLQ1, sinh năm 1982 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

2/ Ông Trương Hoàng NLQ2, sinh năm 1987 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

3/ Bà Đinh Phạm Anh NLQ3, sinh năm 1991 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

4/ Bà Lê Huệ NLQ4, sinh năm 1973 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

5/ Bà Nguyễn Thị Cô NLQ5, sinh năm 1989 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

6/ Bà Trương Thị Thanh NLQ6, sinh năm 1982 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

7/ Bà Huỳnh Thúy NLQ7, sinh năm 1992 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

8/ Ông Lê Anh NLQ8, sinh năm 1962 (có mặt).

Trú tại: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

9/ Ông Tống Nguyễn Thanh NLQ9, sinh năm 1975 (có mặt).

Trú tại: Số 49, TT, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

10/ Bà Nguyễn Thị Kim NLQ10, sinh năm 1985 (có mặt).

Trú tại: Số 49, TT, phường 1, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

11/ Ông Huỳnh Trúc NLQ11, sinh năm 1964 (có mặt).

Trú tại: Số 36, V, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

12/ Ông Trần Minh NLQ12, sinh năm 1977 (có mặt).

Trú tại: Số 36, V, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

13/ Ông Nguyễn Hữu NLQ13, sinh năm 1987 (có mặt).

Trú tại: Số 36, V, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

14/ Ông Nguyễn Hoàng NLQ14, sinh năm 1960 (có mặt).

Trú tại: Số 36, V, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị M (sau đây gọi tắt là Công ty) được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty TNHH một thành viên thay đổi lần thứ 6 do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp ngày 01/6/2011, trên cơ sở chuyển đổi Doanh nghiệp nhà nước thành Công ty TNHH một thành viên là Công ty Công trình đô thị thành phố M theo Quyết định số 5164/QĐ-UBND ngày 31/12/2009, Quyết định số 4085/QĐ-UBND ngày 31/12/2010 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Tiền Giang. Địa chỉ trụ sở chính: Số 12, Huỳnh TC, phường 7, thành phố M, tỉnh Tiền Giang. Ngành nghề kinh doanh: Vệ sinh đô thị, Công viên cây xanh, Chiếu sáng công cộng, Thoát nước vỉa hè … Người đại diện theo pháp luật là ông Phan Văn H - Chủ tịch Công ty kiêm Giám đốc. (BL: 1620, 1621)

Ngày 25/3/2015, Uỷ ban nhân dân (sau đây gọi tắt là UBND) tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 704/QĐ-UBND phân công Phan Văn H - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty đến UBND thành phố M nhận công tác kể từ ngày ký quyết định. (BL: 1786)

Ngày 29/4/2015, Công ty lập biên bản bàn giao nhiệm vụ Giám đốc giữa Phan Văn H với Nguyễn Công K - Phó Giám đốc và Lê Anh NLQ8 - Phó Giám đốc. Trong khi chờ bổ nhiệm Giám đốc, Nguyễn Công K sẽ chịu trách nhiệm chính trong điều hành Công ty.

Ngày 07/7/2015, UBND tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 1783/QĐ-UB phân công Nguyễn Công K - Phó Giám đốc Công ty phụ trách điều hành Công ty cho đến khi bổ nhiệm mới Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty. (BL: 1814)

Ngày 08/7/2016, UBND tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 2003/QĐ-UB điều động và bổ nhiệm ông Đậu Thanh Hoài - Bí thư Đảng uỷ xã Trung An, đến Công ty giữ chức vụ Giám đốc Công ty kể từ ngày ký quyết định (BL: 1770).

Ngày 12/7/2016, UBND tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 2016/QĐ-UB điều động và bổ nhiệm ông Lê Minh S1 - Phó Giám đốc Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Tiền Giang đến Công ty giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ngày 30/7/2016, Công ty lập biên bản bàn giao công việc điều hành Công ty từ Nguyễn Công K - Phó Giám đốc sang ông Đậu Thanh Hoài - Giám đốc.

Ngày 29/3/2017, UBND tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 731/QĐ-UBND; Quyết định số 732/QĐ-UBND điều chỉnh chức danh ông Lê Minh S1 từ Chủ

tịch Hội đồng quản trị thành Chủ tịch Công ty, là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 20/4/2017, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty lần thứ 7 để thay đổi người đại diện theo pháp luật từ ông H sang ông Lê Minh S1.

Ngày 09/4/2019, UBND tỉnh Tiền Giang có Quyết định số 1121/QĐ-UB cử ông Nguyễn Bá BH2 làm Chủ tịch Công ty và là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Ngày 23/4/2019, Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Tiền Giang cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty lần thứ 9 để thay đổi người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Bá BH2.

Cơ cấu tổ chức của Công ty từ ngày 01/6/2011 đến ngày 20/4/2017 như sau:

* Chủ tịch, Giám đốc Công ty:

- Phan Văn H - Chủ tịch kiêm Giám đốc: Từ ngày 01/6/2011 đến ngày 28/4/2015.

- Lê Minh S1 - Chủ tịch Công ty: Từ ngày 12/7/2016 đến ngày 20/4/2017.

- Đậu Thanh Hoài - Giám đốc Công ty: Từ ngày 30/7/2016 đến ngày 20/4/2017.

- Nguyễn Bá BH2 - Chủ tịch Công ty: Từ ngày 09/4/2019 đến nay.

* Phó Giám đốc: 02 người.

- Nguyễn Công K:

+ Từ ngày 01/6/2011 đến ngày 28/4/2015: Phó Giám đốc phụ trách tổ chức, trực tiếp phụ trách Đội Vệ sinh - Môi trường và Phòng Tổ chức - Hành chính.

+ Từ ngày 29/4/2015 đến ngày 29/7/2016: Phó Giám đốc phụ trách điều hành Công ty.

+ Từ ngày 30/7/2016 đến ngày 20/4/2017: Phó Giám đốc phụ trách tổ chức, trực tiếp phụ trách Đội Vệ sinh - Môi trường và Phòng Tổ chức - Hành chính.

- Lê Anh NLQ8: Phó Giám đốc phụ trách kỹ thuật, trực tiếp phụ trách Đội Cơ điện, Đội Công viên - Cây xanh, Đội Xây dựng - Cầu đường - Thoát nước.

* Các phòng chuyên môn nghiệp vụ: Phòng Tổ chức - Hành chính; Phòng Kế toán - Tài vụ; Phòng Kế hoạch - Kinh doanh.

* Các Đội tác nghiệp: Đội Vệ sinh - Môi trường; Đội Công viên - Cây xanh; Đội Xây dựng - Cầu đường - Thoát nước; Đội Cơ điện.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang tiếp nhận Kiến nghị khởi tố của Thanh tra tỉnh Tiền Giang tại Công văn số 799/TT-PCTN ngày 30/11/2016 và Công văn số 04/TT-PCTN ngày 18/01/2017 đối với 04 vi phạm xảy ra tại Công ty được phát hiện qua công tác thanh tra theo Quyết định số 39/QĐ-TT ngày 20/6/2016 của Thanh tra tỉnh Tiền Giang, cụ thể:

1. Việc trừ lương của người lao động để gửi tiết kiệm, sau đó rút chi trả lãi tiền tiết kiệm cho người lao động không đầy đủ. Ba cán bộ, nhân viên phòng Kế toán Tài vụ Công ty chiếm đoạt, chiếm giữ tiền lãi tiết kiệm của người lao động của Công ty với số tiền là 361.500.153 đồng, gồm:

- Bà Trần Thị Thiện M: Trưởng phòng Kế toán Tài vụ, kiêm Kế toán trưởng của Công ty số tiền: 145.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Thùy L: Phó Trưởng phòng Kế toán Tài vụ, kiêm Kế toán tổng hợp số tiền: 69.126.000 đồng.

- Bà Đinh Thị Anh NLQ3 : Thủ quỹ với số tiền: 147.374.153 đồng.

2. Từ năm 2013 đến năm 2015, báo cáo không trung thực doanh thu vệ sinh để làm cơ sở thanh, quyết toán phí vệ sinh về phòng Quản lý đô thị thấp hơn so với doanh thu thực tế phát sinh gây thiệt hại ngân sách nhà nước số tiền là 3.319.642.511 đồng. Trách nhiệm thuộc các đối tượng sau có dấu hiệu cố ý làm trái quy định của nhà nước về quản lý kinh tế:

- Ông Phan Văn H - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty giai đoạn năm 2013 đến tháng 3/2015;

- Ông Nguyễn Công K - Phó Giám đốc được phân công phụ trách công tác Tổ chức hành chính và vệ sinh môi trường của Công ty trước tháng 7/2015 và Phó Giám đốc phụ trách điều hành Công ty từ tháng 7/2015 đến tháng 7/2016;

- Bà Trần Thị Thiện M - Trưởng phòng Kế toán Tài vụ - Kế toán trưởng;

- Ông Phạm Văn R - Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh;

- Ông Đặng Thế V - Phó Trưởng phòng Kế hoạch - Kinh doanh phụ trách lĩnh vực vệ sinh môi trường.

Hành vi phạm tội của các bị can thể hiện như sau:

1. Hành vi Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản và Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:

Thực hiện phương án sắp xếp doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang của Chính phủ và UBND tỉnh Tiền Giang, Đảng uỷ - Ban Giám đốc Công ty đề ra chủ trương trích tiền lương của Cán bộ công nhân viên (CBCNV) hàng tháng đem gửi tiết kiệm nhằm mục đích để cho CBCNV có tiền mua cổ phần ưu đãi khi công ty cổ phần hoá. Từ đó, CBCNV đồng ý giao cho Công ty trích tiền

lương hàng tháng với số tiền từ 500.000đ đến 1.000.000đ/người/tháng để đem gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tiền Giang. Các bộ phận trực thuộc Công ty có tổ chức họp, lập biên bản về việc CBCNV đồng ý giao cho Công ty trích tiền lương hàng tháng đem gửi tiết kiệm.

Công ty đã tiến hành trích tiền lương hàng tháng của CBCNV đem gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tiền Giang tổng cộng là 23 tháng, trong đó: Bộ phận Văn phòng (gồm: Ban điều hành, Phòng Tổ chức Hành chính, Phòng Kế toán - Tài vụ, Phòng Kế hoạch - Kinh doanh) trích tiền lương gửi tiết kiệm từ tháng 7/2012 đến tháng 5/2015, còn các Đội trực thuộc (gồm: Đội Vệ sinh - Môi trường, Đội Công viên - Cây xanh, Đội Xây dựng - Cầu đường - Thoát nước, Đội Cơ điện) trích tiền lương gửi tiết kiệm từ tháng 6/2012 đến tháng 4/2015. Quá trình trích lương của CBCNV gửi tiết kiệm, Phòng Kế toán - Tài vụ có trách nhiệm lập thủ tục, quản lý tiền. Hàng tháng khi trích lương có lập Danh sách gởi tiền tiết kiệm của từng bộ phận để CBCNV ký tên, danh sách do Nguyễn Thị Thuỳ L - Phó phòng kiêm Kế toán tổng hợp lập ký tên có phê duyệt của Trần Thị Thiện M - Kế toán trưởng và Phan Văn H - Thủ trưởng đơn vị. (BL: 4969->4998)

Từ tháng 6/2012 đến tháng 5/2015, Công ty đã trích tiền lương của CBCNV số tiền là 7.421.500.000 đồng và đem gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tiền Giang số tiền là 7.008.000.000 đồng, còn 413.500.000đ trả lại cho những người làm đơn xin rút.

Tiền gửi tiết kiệm từ ngày 05/6/2014 đến ngày 05/8/2015, Công ty đã rút tất toán 21 Hợp đồng với tổng số tiền là 7.982.829.400 đồng (vốn 7.008.000.000đ, lãi là 974.829.400đ). Đã chi trả lại cho CBCNV số tiền là 7.608.007.333 đồng, trong đó: trả vốn 7.007.000.000 đồng, trả lãi 02 lần 601.007.333 đồng. Còn lại không chi trả cho CBCNV gồm 339 người (có danh sách kèm theo) số tiền 374.822.067 đồng, trong đó:

- Thủ quỹ Huỳnh Thị H3 để trong bao thư trong thùng đựng tài liệu liên quan việc trích tiền lương CBCNV gửi tiết kiệm để tại Phòng Kế toán - Tài vụ: 1.518.700 đồng.

- Thủ quỹ Đinh Phạm Anh NLQ3 quản lý theo phân công của Phòng Kế toán - Tài vụ: 168.117.435 đồng (chưa nộp Quỹ phúc lợi 11.195.847đ).

- Trần Thị Thiện M cất giữ, sử dụng: 145.000.000 đồng.

- Nguyễn Thị Thuỳ L cất giữ, sử dụng: 60.185.932 đồng.

Ngày 31/8/2015, Trần Thị Thiện M đã cùng Nguyễn Thị Thuỳ L lập ký Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm của Phòng Kế toán - Tài vụ thông báo cho CBCNV biết tổng số tiền rút tất toán 21 Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn chỉ có

7.670.810.847 đồng (vốn là 7.008.000.000 đồng, lãi là 662.810.847 đồng), đã chi trả cho CBCNV số tiền là 7.659.615.000 đồng (trong đó chi khống số tiền là 52.000.000 đồng, vì số tiền chi cho 42 CBCNV có đơn xin rút trước chỉ có 333.500.000 đồng nhưng thông báo chi đến 385.500.000 đồng), còn tồn nhập Quỹ phúc lợi Công ty số tiền là 11.195.847 đồng để chiếm đoạt số tiền là 362.107.520 đồng, vì bản thân M, L không biết số tiền 1.518.700 đồng để trong bao thư và Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm tập hợp thiếu số tiền chi lãi cho 42 trường hợp có đơn rút trước là 392.333 đồng. Nguyễn Thị Thuỳ L ký Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm với tư cách Người theo dõi, còn Trần Thị Thiện M ký với tư cách Kế toán trưởng.

Trong ngày 31/8/2015, Đinh Phạm Anh NLQ3 lấy trong số tiền đang quản lý nhập Quỹ phúc lợi số tiền là 11.195.847 đồng. Khi nhập Quỹ phúc lợi có ra Phiếu thu số PT173/08, do Nguyễn Thị Thuỳ L lập ký tên có phê duyệt của Trần Thị Thiện M - Kế toán trưởng và Nguyễn Công K - Phó Giám đốc và chữ ký người nộp tiền là Đinh Phạm Anh NLQ3 - Thủ quỹ. (BL: 5180->5181)

Ngày 03/9/2015, Trần Thị Thiện M tiếp tục cùng Nguyễn Thị Thuỳ L ra Thông báo kết quả Thu - Chi tiền tiết kiệm để thông báo cho CBCNV giống như Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm ngày 31/8/2015. Thông báo kết quả Thu - Chi tiền tiết kiệm do Nguyễn Công K - Phó giám đốc ký. (BL: 5182->5183)

Khi ký Phiếu thu số PT173/08 ngày 31/8/2015 để nhập Quỹ phúc lợi Công ty số tiền là 11.195.847 đồng và Thông báo kết quả Thu - Chi tiền tiết kiệm ngày 03/9/2015, Nguyễn Công K không có kiểm tra nên không biết số tiền trích lương gửi tiết kiệm của CBCNV còn là 374.822.067 đồng (374.822.067 đồng - 11.195.847 đồng - 1.518.700 đồng = 362.107.520 đồng). Bản thân Nguyễn Công K không có hưởng lợi trong số tiền bị chiếm đoạt là 362.107.520 đồng.

Thủ quỹ Đinh Phạm Anh NLQ3 quản lý số tiền 156.921.588 đồng theo phân công của lãnh đạo Phòng Kế toán - Tài vụ là Trần Thị Thiện M - Kế toán trưởng. Bản thân Đinh Phạm Anh NLQ3 không có đồng phạm với Trần Thị Thiện M, Nguyễn Thị Thuỳ L trong việc chiếm đoạt số tiền 362.107.520 đồng, không có hưởng lợi trong số tiền bị chiếm đoạt. (BL: 5195->5209)

* Về trách nhiệm dân sự:

Ngày 07/4/2016 và ngày 12/4/2016, Trần Thị Thiện M đã đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang nộp khắc phục hậu quả 02 lần số tiền là 372.696.000 đồng. Ngày 16/01/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang đã trao trả lại cho Công ty TNHH MTV Công trình đô thị M toàn bộ số tiền 372.696.000 đồng. Đến nay, số tiền thiệt hại 374.822.067 đồng đã được

thu hồi và Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị M đã chi trả cho CBCNV xong. (BL: 6165 ->6169a)

1.1. Đối với bị can Trần Thị Thiện M:

Quá trình trích lương CBCNV gửi tiết kiệm, Công ty giao cho Phòng Kế toán - Tài vụ có trách nhiệm lập thủ tục và quản lý tiền. Phòng Kế toán - Tài vụ phân công Nguyễn Thị Thuỳ L - Phó phòng kiêm Kế toán Thanh toán - Tổng hợp lập danh sách gửi tiền tiết kiệm hàng tháng của CBCNV, bảng kê hoàn trả tiền tiết kiệm cho 42 trường hợp có đơn xin rút trước tiền tiết kiệm, danh sách CBCNV được mua cổ phần ưu đãi, danh sách CBCNV nhận lại tiền vốn gửi tiết kiệm, danh sách CBCNV nộp tiền mặt mua cổ phần ưu đãi, danh sách chi trả lãi tiền gửi tiết kiệm cho CBCNV có phê duyệt của Trần Thị Thiện M - Kế toán trưởng và lãnh đạo công ty; còn tiền mặt giao Thủ quỹ quản lý.

Với vai trò là Trưởng phòng kiêm Kế toán trưởng, ngày 31/8/2015 Trần Thị Thiện M đã cùng với Nguyễn Thị Thuỳ L - Phó phòng kiêm Kế toán Thanh toán - Tổng hợp lập ký Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm của Phòng Kế toán - Tài vụ thông báo cho CBCNV biết số tiền tiết kiệm rút tất toán chỉ có 7.670.810.847 đồng (vốn là 7.008.000.000 đồng, lãi là 662.810.847 đồng), đã chi trả cho CBCNV số tiền là 7.659.615.000 đồng (trong đó chi khống số tiền là 52.000.000 đồng), chỉ còn tồn và nhập Quỹ phúc lợi Công ty là 11.195.847 đồng để chiếm đoạt số tiền là 362.107.520 đồng. Trần Thị Thiện M ký Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm với tư cách là Kế toán trưởng, còn Nguyễn Thị Thuỳ L ký tên với tư cách là Người theo dõi. Ngày 03/9/2015, Trần Thị Thiện M tiếp tục cùng với Nguyễn Thị Thuỳ L soạn thảo Thông báo kết quả Thu - Chi tiền tiết kiệm của Công ty để Nguyễn Công K ký thông báo cho CBCNV biết giống như Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm ngày 31/8/2015. Trong số tiền chiếm đoạt, bản thân Trần Thị Thiện M hưởng lợi số tiền là 145.000.000 đồng.

1.2. Đối với bị can Nguyễn Thị Thuỳ L:

Với vai trò là Phó Phòng Kế toán - Tài vụ kiêm Kế toán thanh toán, tổng hợp được phân công trực tiếp lập thủ tục liên quan việc trích lương CBCNV gửi tiết kiệm như danh sách gửi tiền tiết kiệm hàng tháng của CBCNV, bảng kê và danh sách hoàn trả vốn lãi tiền tiết kiệm cho CBCNV, danh sách CBCNV được mua cổ phần ưu đãi, danh sách CBCNV phải nộp tiền mặt để mua cổ phần ưu đãi của Công ty. Ngày 31/8/2015, Nguyễn Thị Thuỳ L đã thông đồng với Trần Thị Thiện M - Trưởng phòng kiêm Kế toán trưởng lập ký Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm của Phòng Kế toán - Tài vụ thông báo cho CBCNV biết số tiền tiết kiệm rút tất toán chỉ có 7.670.810.847 đồng, đã chi trả cho CBCNV số tiền là 7.659.615.000đ (trong đó có chi khống số tiền là 52.000.000 đồng), chỉ còn tồn và nhập Quỹ

phúc lợi Công ty là 11.195.847 đồng, để chiếm đoạt số tiền là 362.107.520 đồng. Ngày 03/9/2015, Nguyễn Thị Thuỳ L tiếp tục cùng với Trần Thị Thiện M ra Thông báo kết quả Thu - Chi tiền tiết kiệm của Công ty để Nguyễn Công K ký thông báo cho CBCNV biết giống như Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm ngày 31/8/2015. Trong số tiền chiếm đoạt, bản thân Nguyễn Thị Thuỳ L hưởng lợi 60.185.932 đồng.

1.3. Đối với bị can Nguyễn Công K:

Với vai trò là Phó Giám đốc được phân công phụ trách điều hành Công ty, ngày 31/8/2015, căn cứ kết quả thu chi tiền gửi tiết kiệm của Phòng Kế toán - Tài vụ báo cáo tại Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm do Trần Thị Thiện M và Nguyễn Thị Thuỳ L ký thể hiện số tiền còn tồn chỉ có 11.195.847 đồng, Nguyễn Công K đã ký phê duyệt Phiếu thu số PT173/08 do Nguyễn Thị Thuỳ L lập có phê duyệt của Trần Thị Thiện M để nhập Quỹ phúc lợi của Công ty số tiền 11.195.847 đồng. Ngày 03/9/2015, Nguyễn Công K tiếp tục ký Thông báo kết quả Thu - Chi tiền tiết kiệm do Trần Thị Thiện M và Nguyễn Thị Thuỳ L soạn thảo đính kèm là Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm ngày 31/8/2015 của Phòng Kế toán - Tài vụ để công khai cho CBCNV trong Công ty biết số tiền thu, chi, tồn giống như Bảng tổng hợp tiền gửi tiết kiệm ngày 31/8/2015. Khi ký Phiếu thu số PT173/08 ngày 31/8/2015 và Thông báo kết quả Thu - Chi tiền tiết kiệm ngày 03/9/2019, do tin tưởng Nguyễn Công K không có kiểm tra nên không biết Trần Thị Thiện M và Nguyễn Thị Thuỳ L đã thông đồng báo cáo số tiền rút tất toán thấp hơn thực tế, từ đó tạo điều kiện cho 02 bị can M, L chiếm đoạt số tiền là 362.107.520 đồng. (BL: 5912, 6031->6035; 6126 -6130; 6147)

2. Hành vi Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng và Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng:

Thời gian từ năm 2013 đến năm 2016, Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M do Công ty thực hiện, đơn vị sử dụng kinh phí thanh toán chi phí là UBND thành phố M.

Căn cứ Nghị định 130/2013/NĐ-CP ngày 16/10/2013 của Chính Phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích, quy định: Dịch vụ thu gom, phân loại, vệ sinh công cộng nêu trên không thực hiện theo phương thức giao kế hoạch (giao khoán) mà phải thực hiện theo phương thức đấu thầu, trường hợp không đáp ứng các điều kiện đấu thầu thì phải thực hiện theo phương thức đặt hàng (khoản 6 Danh mục B ban hành kèm theo Nghị định 130); theo phương thức ký hợp đồng đặt hàng với Công ty, UBND thành phố M giao Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M có trách nhiệm như sau:

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M theo dõi và quyết toán đúng quy định.

- Phòng Quản lý đô thị thành phố M căn cứ dự toán phê duyệt thực hiện thương thảo hợp đồng có tiết kiệm, giảm giá; chịu trách nhiệm kiểm tra, giám sát thực tế về khối lượng, định mức đơn giá thực hiện, sử dụng kinh phí đúng mục đích, tiết kiệm và thanh quyết toán theo đúng quy định với cơ quan chức năng.

Trách nhiệm của Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M được UBND thành phố M giao thể hiện tại văn bản phê duyệt dự toán kế hoạch dịch vụ công ích quý, năm và văn bản thẩm định khối lượng rác quý của Uỷ ban nhân dân thành phố M trong hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác).

Ngoài ra, tại Quyết định số 1570/QĐ-UBND ngày 16/7/2008 của UBND thành phố M ủy nhiệm cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký kết hợp đồng kinh tế với Công ty Công trình đô thị thành phố M thực hiện các nhiệm vụ thường xuyên như: cầu đường, thoát nước, rác thải, vệ sinh môi trường đô thị…, UBND thành phố M còn giao trách nhiệm cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M như sau:

- Phòng Quản lý đô thị thành phố M chịu trách nhiệm trước UBND thành phố M về công tác giám sát, nghiệm thu, thanh quyết toán đối với hợp đồng được ký kết.

- Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M phối hợp với Phòng Quản lý đô thị thành phố M tham mưu cho UBND thành phố M thanh quyết toán cho Công ty Công trình đô thị thành phố M đúng quy định của pháp luật về quản lý tài chính. (BL: 317, 1705)

Các hạng mục công việc của Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M do Công ty thực hiện thể hiện tại Quyết định 1037/QĐ-UBND ngày 25/3/2010 của UBND tỉnh Tiền Giang V/v công bố Đơn giá thu gom, vận chuyển và xử lý chôn lấp rác thải đô thị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang gồm:

- Duy trì vệ sinh đường phố ban ngày (Mã hiệu MT1.01.03).

- Quét gom rác đường phố bằng thủ công ban đêm (Mã hiệu MT1.02.03).

- Duy trì vệ sinh ngõ hẻm phường, xã (Mã hiệu MT1.05.03).

- Bốc và vận chuyển đổ rác với xe ép rác 7 tấn (Mã hiệu MT2.02.05,08).

- Xử lý rác với kỷ thuật đơn giản, công suất bãi <500T/ngày (Mã hiệu MT3.01.01). (BL: 2550-> 2570)

Khối lượng thực hiện, nghiệm thu thanh quyết toán của hạng mục công việc Mã hiệu MT1.01.03, MT1.02.03 và MT1.05.03 là chiều dài và diện tích tuyến đường quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác.

Khối lượng thực hiện, nghiệm thu thanh quyết toán của hạng mục công việc Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01 là khối lượng rác do UBND thành phố M thanh toán. Cách xác định khối lượng rác như sau:

* Năm 2013:

- Ngày 08/8/2013, Chuyên viên của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và lãnh đạo Phòng Kế hoạch - Kinh doanh của Công ty lập Biên bản V/v bổ sung duy trì vệ sinh hẻm và cách tính khối lượng thu gom vận chuyển, xử lý rác trên địa bàn thành phố M thống nhất trình lãnh đạo xem xét quyết định cách thức xác định khối lượng rác thanh toán:

+ Khối lượng thu gom vận chuyển, xử lý rác được tính bằng khối lượng rác thực cân bình quân 06 tháng trong năm trừ tổng khối lượng thu gom vận chuyển và xử lý rác của hộ dân và hộ kinh doanh của năm 2012. Trong đó, đơn giá của hộ kinh doanh được tính 70% chi phí quản lý chung và 5% lợi nhuận định mức, đơn giá của hộ dân được tính 49% chi phí quản lý chung và 4% lợi nhuận định mức. Khối lượng thu gom vận chuyển và xử lý rác của hộ dân tính bằng tổng phí thu rác hộ dân năm 2012 chia đơn giá thu gom vận chuyển và xử lý rác của hộ dân.

+ Khối lượng rác thu gom vận chuyển và xử lý của hộ kinh doanh tính bằng tổng phí thu từ rác kinh doanh năm 2012 chia đơn giá rác thu gom vận chuyển và xử lý rác của kinh doanh.

- Tuy nhiên, quá trình thực hiện lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M, UBND thành phố M và Công ty không thống nhất cách xác định của cấp chuyên viên mà thống nhất:

+ Khối lượng rác UBND thành phố M phải thanh toán xác định bằng cách lấy khối lượng rác trên hè, đường phố (rác công ích) và rác sinh hoạt toàn thành phố M trong 01 ngày đêm trừ cho khối lượng rác sinh hoạt toàn thành phố M trong 01 ngày đêm được quy đổi từ doanh thu Phí vệ sinh năm 2011 trong thành phố M do Công ty thu thể hiện tại Biên bản họp quyết toán v/v thu phí vệ sinh năm 2011 giữa Cục Thuế tỉnh Tiền Giang, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M, Phòng Quản lý đô thị thành phố M với Công ty theo đơn giá do Phòng Quản lý đô thị thành phố M xây dựng ($Rác_{\text{UBND TP M phải thanh toán phí vệ sinh thu gom}} = Rác_{\text{Trên hè, đường phố và Sinh hoạt toàn TP.M}} - Rác_{\text{Sinh hoạt toàn TP.M quy đổi từ doanh thu Phí vệ sinh năm 2011}}$).

+ Khối lượng rác trên hè, đường phố, rác sinh hoạt toàn th phố M trong 01 ngày đêm xác định bằng cách, Phòng Quản lý đô thị tp M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty cùng đi cân rác thực tế toàn thành phố M trong 07

ngày đêm liên tục để xác định khối lượng rác bình quân của 01 ngày đêm trong 06 tháng.

+ Việc thoả thuận cách thức xác định khối lượng rác UBND thành phố M phải thanh toán phí thu gom thể hiện tại hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M năm 2013.

* Từ năm 2014 đến năm 2016:

- Khối lượng rác UBND thành phố M phải thanh toán phí vệ sinh xác định bằng cách lấy khối lượng rác trên hè, đường phố và rác sinh hoạt toàn thành phố M trong 01 ngày đêm trừ cho khối lượng rác sinh hoạt toàn thành phố M trong 01 ngày đêm được quy đổi từ doanh thu Phí vệ sinh của năm trước liền kề trong thành phố M do Công ty thu theo đơn giá do Phòng Quản lý đô thị thành phố M xây dựng trên cơ sở thoả thuận giữa Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty có phê duyệt của UBND thành phố M ($Rác_{\text{UBND TP M phải thanh toán phí vệ sinh thu gom}} = Rác_{\text{Trên hè, đường phố và Sinh hoạt toàn TP.M}} - Rác_{\text{Sinh hoạt toàn TP.M quy đổi từ doanh thu Phí vệ sinh năm liền kề}}$).

- Khối lượng rác trên hè, đường phố và rác sinh hoạt toàn thành phố M trong 01 ngày đêm xác định bằng cách, hàng quý Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty cùng đi cân rác thực tế toàn thành phố M trong 04 ngày đêm liên tục để xác định khối lượng rác bình quân của 01 ngày đêm trong quý.

- Doanh thu Phí vệ sinh năm trước liền kề (năm 2013, 2014, 2015) Công ty thu, cung cấp phải phân loại ra doanh thu của 05 đối tượng (gồm: Hộ dân, Nhà trọ, Chợ, Cơ quan hành chính sự nghiệp và Sản xuất kinh doanh) do đơn giá quy đổi của từng đối tượng khác nhau (Năm 2014: đơn giá quy đổi của Sản xuất kinh doanh khác đơn giá quy đổi của Hộ dân, Nhà trọ, Chợ, Cơ quan hành chính sự nghiệp; Năm 2015, 2016: đơn giá quy đổi của Sản xuất kinh doanh, Chợ khác đơn giá quy đổi của Hộ dân, Nhà trọ, Cơ quan hành chính sự nghiệp). Lý do lấy doanh thu Phí vệ sinh của năm trước liền kề là do tại thời điểm thanh toán chưa có doanh thu của năm thực hiện.

- Việc thoả thuận cách thức xác định khối lượng rác thể hiện tại Biên bản V/v xác định mức chi phí quản lý chung và lợi nhuận định mức đối với các đơn vị kinh doanh ngày 13/10/2014 ký kết giữa Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M với Công ty và hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M năm 2014, 2015, 2016.

Phí vệ sinh trong thành phố năm 2011, 2012, 2013, 2014, 2015 là khoản thu nhằm bù đắp một phần hoặc toàn bộ chi phí cho hoạt động thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt trong thành phố, được thu, quản lý, sử dụng theo quy định tại Quyết định số 43/2004/QĐ-UB ngày 11/8/2004, Quyết định số 21/2006/UB-UBND ngày 19/5/2006, Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 27/3/2008, Quyết định số 29/2013/QĐ-UBND ngày 24/6/2013 của UBND tỉnh Tiền Giang quy định về mức thu phí vệ sinh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Hàng năm, UBND thành phố M có quyết định giao cho Công ty đi thu. Từ năm 2011 trở về trước, vào đầu năm liền kề Cục Thuế tỉnh Tiền Giang, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty tổ chức họp quyết toán doanh thu Phí vệ sinh, nếu thu vượt chi thì phần chênh lệch nộp về Ngân sách thành phố M (nhưng thực tế không có nộp, việc này thể hiện tại biên bản bàn giao nhiệm vụ giữa Phan Văn H với Nguyễn Công K và giữa Nguyễn Công K với Đậu Thanh Hoài nêu trên); còn từ năm 2012 trở về sau không có họp quyết toán. (BL: 2539, 2542, 2543, 2544, 2546)

Trình tự, thủ tục xác định khối lượng rác, nghiệm thu thanh quyết toán của hạng mục công việc Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01 như sau:

- Công ty cung cấp doanh thu Phí vệ sinh bằng văn bản cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M.

- Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty cùng đi cân rác thực tế toàn thành phố M.

- Phòng Quản lý đô thị thành phố M tính toán khối lượng rác UBND thành phố M phải thanh toán phí vệ sinh, rồi có văn bản đề nghị UBND thành phố M phê duyệt.

- Căn cứ đề nghị của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, UBND thành phố M có văn bản giao Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M nghiên cứu, đề xuất.

- Căn cứ đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M sau khi thẩm định, UBND thành phố M ban hành văn bản xác định khối lượng rác UBND TP M phải thanh toán phí vệ sinh.

- Kết thúc quý, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán.

- Căn cứ Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán, Công ty lập Hồ sơ quyết toán có ký xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M.

- Phòng Quản lý đô thị thành phố M làm Tờ trình kèm Hồ sơ quyết toán đề nghị Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M thẩm tra quyết toán.

- Căn cứ Phiếu thẩm tra quyết toán của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M, Phòng Quản lý đô thị thành phố M tiến hành ký Biên bản thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền cho Công ty.

*** Năm 2014**: Quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2014, trên cơ sở tham mưu của Phạm Văn R - Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phan Văn H - Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty chỉ đạo Phạm Văn R và Trần Thị Thiện M - Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ kiêm Kế toán trưởng chỉ đạo nhân viên 02 phòng phối hợp điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2013 khi cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phạm Văn R, Trần Thị Thiện M và Đặng Thế V - Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Trương Hoàng NLQ2 - Nhân viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh phụ trách hợp đồng kinh doanh nhỏ, lẻ và Lê Thị NLQ1 - Kế toán quản lý thu Phí vệ sinh xuất hoá đơn phối hợp tiến hành thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2013 (ngoài ra, còn có sự phối hợp cung cấp số liệu thu Phí vệ sinh bằng lai vé của các Nhân viên của Tổ thu phí vệ sinh trực thuộc Phòng Kế toán - Tài vụ), việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện ngẫu nhiên, chủ yếu của đối tượng sản xuất kinh doanh vì doanh thu lớn. Việc phối hợp thực hiện thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2013 giữa Phòng Kế toán - Tài vụ và Phòng Kế hoạch - Kinh doanh diễn ra công khai tại Công ty. Sau khi thực hiện điều chỉnh giảm doanh thu xong, Trương Hoàng NLQ2 và Lê Thị NLQ1 in Bảng tổng hợp thu phí vệ sinh tháng và Bảng phân tích doanh thu phí vệ sinh và kinh doanh vệ sinh 2013 đề ngày 07/4/2014 có tổng số tiền là 7.977.035.419 đồng ra để ký tên. Bảng tổng hợp thu phí vệ sinh tháng do Trương Hoàng NLQ2 ký tên với tư cách người lập bảng, Đặng Thế V ký tên với tư cách Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phan Văn H ký tên với tư cách Giám đốc, còn Bảng phân tích doanh thu phí vệ sinh và KD vệ sinh 2013 đề ngày 07/4/2014 do Lê Thị NLQ1 ký tên với tư cách người lập bảng, Đặng Thế V ký tên với tư cách Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phan Văn H ký tên với tư cách Giám đốc. Sau đó, Công ty gửi Bảng phân tích doanh thu phí vệ sinh và KD vệ sinh 2013 đề ngày 07/4/2014 cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M. Tin tưởng doanh thu Phí vệ sinh năm 2013 Công ty cung cấp tại Bảng phân tích doanh thu phí vệ sinh và KD vệ sinh 2013 đề ngày 07/4/2014 có tổng số tiền là 7.977.035.419 đồng là đúng, Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M không kiểm tra lại số liệu mà tính toán, đề xuất UBND thành phố Tho xác định khối lượng rác của quý 1,2,3,4 năm 2014 theo như thoả thuận của 02 hạng mục công việc có Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01. (BL: 2722, 2724 -> 2748)

Văn bản đề xuất xác định khối lượng rác quý 1,2,3,4 năm 2014 của Phòng Quản lý đô thị thành phố M do Đào Thanh P - Phó trưởng phòng ký, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M do Lương Văn L1 - Trưởng phòng ký, còn văn bản xác định khối lượng rác quý 1,2,3,4 năm 2014 của UBND thành phố M do Nguyễn Hoàng NLQ14 - Phó Chủ tịch ký.

Cụ thể 12 văn bản đề xuất xác định khối lượng rác của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và UBND thành phố M như sau:

- Bốn văn bản đề xuất của Phòng Quản lý đô thị thành phố M do Đào Thanh P ký gồm:

+ Công văn số 705/PQLĐT ngày 20/10/2014 V/v xác định lượng rác quý 1 năm 2014 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 66,705 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 706/PQLĐT ngày 20/10/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 2 năm 2014 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 69,618 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 707/PQLĐT ngày 20/10/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 3 năm 2014 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý cho Công ty là 73,07 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 933/PQLĐT ngày 25/12/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 4 năm 2014 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 70,315 tấn/ngày đêm (làm tròn 70,30 tấn/ngày đêm). (BL: 2765, 2863, 3004, 3153)

- Bốn văn bản đề xuất khối lượng rác của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M do Lương Văn L1 ký gồm:

+ Công văn số 950/TCKH-NS ngày 03/11/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 1 năm 2014 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 66,705 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 951/TCKH-NS ngày 03/11/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 2 năm 2014 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 69,618 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 952/TCKH-NS ngày 03/11/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 3 năm 2014 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 73,07 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 1195/TCKH-NS ngày 25/12/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 4 năm 2014 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng

thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 70,315 tấn/ngày đêm. (BL: 2763, 2862, 3003, 3152).

- Bốn văn bản xác định khối lượng rác của UBND thành phố M do Nguyễn Hoàng NLQ14 ký gồm:

+ Công văn số 4751/UBND-VP ngày 06/11/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 1 năm 2014 thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 66,705 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 4752/UBND-VP ngày 06/11/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 2 năm 2014 thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 69,618 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 4753/UBND-VP ngày 06/11/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 3 năm 2014 thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 73,07 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 5663/UBND-VP ngày 26/12/2014 V/v xác định khối lượng rác quý 4 năm 2014 thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 70,3 tấn/ngày đêm. (BL: 2762, 2861, 3002, 3151)

Kết thúc quý, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty tiến hành ký biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán, lập hồ sơ quyết toán khối lượng của các hạng mục công việc thực hiện; Trong đó, khối lượng của 02 hạng mục công việc Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01 của quý 1 năm 2014 là 66,705 tấn/ngày đêm, quý 2 năm 2014 là 69,618 tấn/ngày đêm, quý 3 năm 2014 là 73,07 tấn/ngày đêm, quý 4 năm 2014 là 70,3 tấn/ngày đêm. Cụ thể việc ký biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán, lập hồ sơ quyết toán, thanh toán tiền như sau:

- Ngày 06/11/2014, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 1 năm 2014. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P - Phó trưởng phòng, Tống Nguyễn Thanh NLQ9 - Cán bộ, Nguyễn Thị Kim NLQ10 - Kế toán; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ký là Lương Văn L1 - Trưởng phòng, Nguyễn Hữu NLQ13 - Chuyên viên; Đại diện Công ty ký là Phan Văn H, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Cùng ngày 06/11/2014, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 1 năm 2014 trị giá 5.361.990.246 đồng. Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 1/ 2014, ngày 24/11/2014 Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự

nghiệp kinh tế thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.361.990.246 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ ngày 27/11/2014 đến ngày 09/12/2014, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành 02 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc Nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.361.990.246 đồng. (BL: 2820 -> 2845)

- Ngày 06/11/2014, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 2 năm 2014. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ký là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13; Đại diện Công ty ký là Phan Văn H, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Ngày 17/11/2014, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 2 năm 2014 trị giá 5.550.953.055 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 2/ 2014, ngày 24/11/2014 Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.550.953.055 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Ngày 09/12/2014, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.550.953.055 đồng. (BL: 2861 -> 2988)

- Ngày 14/11/2014, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 3 năm 2014. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ký là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13; Đại diện Công ty ký là Phan Văn H, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Cùng ngày 14/11/2014, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 3 năm 2014 trị giá 5.511.296.541 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô

thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 3 năm 2014, ngày 22/12/2014 Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.511.296.541 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Ngày 30/12/2014, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.511.296.541 đồng.(BL: 3106 -> 3133)

- Ngày 31/12/2014, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 4 năm 2014. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch TP. M ký là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13; Đại diện Công ty ký là Phan Văn H, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Ngày 26/12/2014 và ngày 31/12/2014, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 4 năm 2014 trị giá 5.285.011.124 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị TP. M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 4 năm 2014, ngày 23/01/2015 Phòng Tài chính - Kế hoạch TP. M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.285.011.124 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ 30/01/2015 đến 06/4/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành 02 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.285.011.124 đồng. (BL: 3266 -> 3295)

*** Năm 2015**: Quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2015, Phòng Kế toán - Tài vụ và Phòng Kế hoạch - Kinh doanh tiếp tục phối hợp thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2014 để cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn. Việc phối hợp thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2014 giữa Phòng Kế toán - Tài vụ với Phòng Kế hoạch - Kinh doanh cũng diễn ra công

khai tại Công ty. Phòng Kế toán - Tài vụ, Phòng Kế hoạch - Kinh doanh phân công Đinh Phạm Anh NLQ3 - Kế toán quản lý thu Phí vệ sinh xuất hoá đơn, Nguyễn Thị Cô NLQ5 - Nhân viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh phụ trách hợp đồng kinh doanh nhỏ, lẻ thực hiện thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2014 theo sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Trần Thị Thiện M - Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ kiêm Kế toán trưởng, Đặng Thế V - Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh và hướng dẫn của những người thực hiện trước đó là Trương Hoàng NLQ2, Lê Thị NLQ1, cung cấp số liệu thu Phí vệ sinh bằng lai vé của Kế toán quản lý thu Phí vệ sinh bằng lai vé Trương Thị Thanh Thuý, Nguyễn Thị Ngọc Luyến và việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện ngẫu nhiên, chủ yếu của đối tượng có doanh thu lớn. Sau khi thực hiện điều chỉnh giảm doanh thu xong, Đinh Phạm Anh NLQ3 và Nguyễn Thị Cô NLQ5 in Bảng tổng hợp thu phí vệ sinh tháng và Báo cáo số thu phí vệ sinh năm 2014 đề ngày 31/12/2014 có tổng số tiền là 8.702.645.926 đồng ra để ký tên. Bảng tổng hợp thu phí vệ sinh tháng do Nguyễn Thị Cô NLQ5 ký tên với tư cách người lập bảng, Đặng Thế V ký tên với tư cách Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phan Văn H ký tên với tư cách Giám đốc, còn Báo cáo số thu phí vệ sinh năm 2014 đề ngày 31/12/2014 do Đinh Phạm Anh NLQ3 ký tên với tư cách người lập bảng, Đặng Thế V ký tên với tư cách Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Trần Thị Thiện M ký với tư cách Kế toán trưởng, Phan Văn H ký tên với tư cách Giám đốc. Sau đó, Công ty gửi Báo cáo số thu phí vệ sinh năm 2014 đề ngày 31/12/2014 cho Phòng Quản lý đô thị TP.M. Tin tưởng doanh thu Phí vệ sinh năm 2014 Công ty cung cấp tại Báo cáo số thu phí vệ sinh năm 2014 đề ngày 31/12/2014 có tổng số tiền là 8.702.645.926 đồng là đúng, Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Phòng Tài chính - Kế hoạch TP.M không kiểm tra lại số liệu mà tính toán, đề xuất Uỷ ban nhân dân thành phố Tho xác định khối lượng rác của quý 1,2,3,4 năm 2015 theo như thoả thuận của 02 hạng mục công việc có Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01. (BL: 3296)

Văn bản đề xuất xác định rác quý 1,2,3,4 năm 2015 của Phòng Quản lý đô thị thành phố M do Đào Thanh P - Phó trưởng phòng ký, của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M do Lương Văn L1 - Trưởng phòng ký, còn văn bản xác định lượng rác quý 1,2,3,4 năm 2015 của UBND thành phố M do Nguyễn Hoàng NLQ14 - Phó Chủ tịch ký. Cụ thể 12 văn bản đề xuất xác định khối lượng rác của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và UBND thành phố Tho như sau:

- Bốn văn bản đề xuất của Phòng Quản lý đô thị thành phố M do Đào Thanh P ký gồm:

+ Công văn số 211/PQLĐT ngày 30/3/2015 V/v xác định khối lượng rác quý 1 năm 2015 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 58,5 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 393/PQLĐT ngày 11/6/2015 V/v xác định lượng rác quý 2 năm 2015 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của cho Công ty là 59,57 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 647/PQLĐT ngày 14/9/2015 V/v xác định khối lượng rác quý 3 năm 2015 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của ty là 64,42 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 897/PQLĐT ngày 04/12/2015 V/v xác định khối lượng rác quý 4 năm 2015 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của cho Công ty là 63,16 tấn/ngày đêm. (BL: 3374, 3534, 3687, 3865)

- Bốn văn bản đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M do Lương Văn L1 ký gồm:

+ Công văn số 297/TCKH-NS ngày 06/4/2015 V/v xác định lượng rác quý 1 năm 2015 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 58,5 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 551/TCKH-NS ngày 19/6/2015 V/v xác định khối lượng rác quý 2 năm 2015 đề xuất UBND TP.M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 59,57 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 860/TCKH-NS ngày 21/9/2015 V/v xác định khối lượng rác quý 3 năm 2015 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 64,42 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 1162/TCKH-NS ngày 10/12/2015 V/v xác định khối lượng rác quý 4 năm 2015 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác cho Công ty là 63,16 tấn/ngày đêm. (BL: 3373, 3532, 3685, 3863)

- Bốn văn bản xác định khối lượng rác của UBND thành phố M do Nguyễn Hoàng NLQ14 ký gồm:

+ Công văn 2041/UBND-VP ngày 09/4/2015 xác định khối lượng rác quý 1 năm 2015 thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 58,5 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 3790/UBND-VP ngày 23/6/2015 xác định khối lượng rác quý 2 năm 2015 thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 59,57 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 5990/UBND-VP ngày 24/9/2015 xác định khối lượng rác quý 3 năm 2015 thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 64,42 tấn/ngày đêm.

+ Công văn 8118/UBND-VP ngày 14/12/2015 xác định khối lượng rác quý 4 năm 2015 thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 63,16 tấn/ngày đêm. (BL: 3372, 3631, 3684, 3862)

Kết thúc quý, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty tiến hành ký biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán, lập hồ sơ quyết toán khối lượng của các hạng mục công việc thực hiện; Trong đó, khối lượng của 02 hạng mục công việc Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01 của quý 1 năm 2015 là 58,5 tấn/ngày đêm, quý 2 năm 2015 là 59,57 tấn/ngày đêm, quý 3 năm 2015 là 64,42 tấn/ngày đêm, quý 4 năm 2015 là 63,16 tấn/ngày đêm. Cụ thể việc lập ký biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán, lập ký hồ sơ quyết toán, thanh toán tiền như sau:

- Ngày 10/8/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 1 năm 2015 (Quý này không có Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M tham gia). Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P - Phó trưởng phòng, Tống Nguyễn Thanh NLQ9 - Cán bộ, Nguyễn Thị Kim NLQ10 - Kế toán; Đại diện Công ty ký là Nguyễn Công K, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Ngày 20/8/2015, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 1 năm 2015 trị giá 4.785.036.139 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 1 năm 2015, ngày 29/9/2015 Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế số 02/TTCI-TCKH thống nhất cho quyết toán số tiền là 4.785.036.139 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ 24/7/2015 đến 30/9/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành 03 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc Nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 4.785.036.139 đồng. (BL: 3482 -> 3513)

- Ngày 23/10/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 2 năm 2015 (Quý này không có Phòng Tài chính - Kế hoạch TP.M tham gia). Đại diện Phòng Quản lý đô thị

thành phố M ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10; Đại diện Công ty ký là Nguyễn Công K, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Ngày 26/10/2015, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 2 năm 2015 trị giá 4.920.677.306 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 2 năm 2015, ngày 07/12/2015 Phòng Tài chính - Kế hoạch TP.M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế số 11/TTCI-TCKH thống nhất cho quyết toán số tiền là 4.920.677.306 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ 16/10/2015 đến 23/12/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành 03 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 4.920.677.306 đồng. (BL: 3635 -> 3666)

- Ngày 26/10/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 3 năm 2015. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ký là Huỳnh Trúc NLQ11 - Phó phòng, Nguyễn Hữu NLQ13; Đại diện Công ty ký là Nguyễn Công K, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Cùng ngày 26/10/2015, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 3 năm 2015 trị giá 5.226.466.267 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 3 năm 2015, ngày 07/12/2015 Phòng Tài chính - Kế hoạch TP.M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế số 16/TTCI-TCKH thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.226.466.267 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ 16/10/2015 đến 23/12/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành 03 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại

Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.226.466.267 đồng. (BL: 3785 -> 3817)

- Ngày 31/12/2015, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 4 năm 2015. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ký là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13; Đại diện Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị M ký là Nguyễn Công K, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Cùng ngày 31/12/2015, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 4 năm 2015 trị giá 5.321.120.071 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 4 năm 2015, ngày 31/12/2015 Phòng Tài chính - Kế hoạch TP.M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế số 24/TTCI-TCKH thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.321.120.071 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ 31/12/2015 đến 28/01/2016, Phòng Quản lý đô thị thành phố M ban hành 02 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.321.120.071 đồng. (BL: 3976 -> 4007)

*** Năm 2016:** Quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) quý 1,2 năm 2016, Phòng Kế toán - Tài vụ và Phòng Kế hoạch - Kinh doanh tiếp tục phối hợp thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2015 để cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được xác định, nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn. Việc phối hợp thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2015 giữa Phòng Kế toán - Tài vụ với Phòng Kế hoạch - Kinh doanh cũng diễn ra công khai tại Công ty. Phòng Kế toán - Tài vụ phân công Trương Thị Thanh Thuý - Kế toán quản lý thu Phí vệ sinh bằng lai vé, Huỳnh Thuý Diễm - Kế toán quản lý thu Phí vệ sinh xuất hoá đơn thực hiện thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2015 theo sự chỉ đạo, hướng dẫn trực tiếp của Trần Thị Thiện M - Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ kiêm Kế toán trưởng và Đặng Thế V - Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, việc điều chỉnh giảm doanh thu được thực hiện ngẫu nhiên, chủ yếu của đối tượng có doanh thu lớn. Sau khi thực hiện

điều chỉnh giảm doanh thu xong, Trương Thị Thanh Thuý và Huỳnh Thuý Diễm in Bảng tổng hợp thu phí vệ sinh tháng và Bảng phân tích doanh thu Phí vệ sinh và KD vệ sinh 2015 đề ngày 31/12/2015 có tổng số tiền là 8.705.355.002 đồng ra để ký tên. Bảng tổng hợp thu phí vệ sinh tháng do Trương Thị Thanh Thuý ký tên với tư cách người lập bảng, Đặng Thế V ký tên với tư cách Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Nguyễn Công K ký tên với tư cách Phó Giám đốc, còn Bảng phân tích doanh thu Phí vệ sinh và KD vệ sinh 2015 đề ngày 31/12/2015 do Trương Thị Thanh Thuý ký tên với tư cách người lập bảng, Trần Thị Thiện M ký với tư cách Kế toán trưởng, Đặng Thế V ký tên với tư cách Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Nguyễn Công K ký tên với tư cách Phó Giám đốc. Sau đó, Công ty gửi Bảng phân tích doanh thu Phí vệ sinh và KD vệ sinh 2015 đề ngày 31/12/2015 cho Phòng Quản lý đô thị TP.M. Tin tưởng doanh thu Phí vệ sinh năm 2015 Công ty cung cấp tại Bảng phân tích doanh thu Phí vệ sinh và KD vệ sinh 2015 đề ngày 31/12/2015 có tổng số tiền là 8.705.355.002 đồng là đúng, Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M không kiểm tra lại số liệu mà tính toán, đề xuất UBND thành phố Tho xác định khối lượng rác của quý 1,2 năm 2016 theo như thoả thuận của 02 hạng mục công việc có Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01. (BL: 4008)

Văn bản đề xuất xác định khối lượng rác quý 1,2 năm 2016 của Phòng Quản lý đô thị thành phố M do Đào Thanh P - Phó trưởng phòng ký, của Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M do Lương Văn L1 - Trưởng phòng ký, còn văn bản xác định khối lượng rác quý 1,2 năm 2016 của UBND thành phố M do Nguyễn Hoàng NLQ14 - Phó Chủ tịch ký.

Cụ thể 06 văn bản đề của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và UBND thành phố Tho như sau:

- Hai văn bản đề xuất của Phòng Quản lý đô thị TP.M do Đào Thanh P ký gồm:

+ Công văn số 111/PQLĐT ngày 17/02/2016 V/v xác định khối lượng rác quý 1 năm 2016 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của cho Công ty là 64,50 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 335/PQLĐT ngày 20/5/2016 V/v xác định khối lượng rác quý 2 năm 2016 đề nghị UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng rác thực tế thu gom, vận chuyển và xử lý của cho Công ty là 63,50 tấn/ngày đêm. (BL: 4113, 4275)

- Hai văn bản đề xuất của Phòng Tài chính - Kế hoạch TP.M do Lương Văn L1 ký gồm:

+ Công văn số 251/TCKH-NS ngày 23/3/2016 V/v xác định khối lượng rác quý 1 năm 2016 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác của Công ty là 64,50 tấn/ngày đêm.

+ Công văn 676/TCKH-NS ngày 11/7/2016 xác định khối lượng rác quý 2 năm 2016 đề xuất UBND thành phố M xem xét phê duyệt khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý của Công ty là 63,50 tấn/ngày đêm. (BL: 4112, 4274)

- Hai văn bản giao xác định khối lượng rác của UBND thành phố M do Nguyễn Hoàng NLQ14 ký gồm:

+ Công văn số 1766/UBND-VP ngày 28/3/2016 V/v xác định khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác quý 1 năm của Công ty là 64,50 tấn/ngày đêm.

+ Công văn số 4376/UBND-VP ngày 18/7/2016 V/v xác định khối lượng thu gom, vận chuyển và xử lý rác quý 2 năm 2016 của Công ty là 63,50 tấn/ngày đêm. (BL: 4111, 4273)

Kết thúc quý, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty tiến hành ký biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán, lập hồ sơ quyết toán khối lượng của các hạng mục công việc thực hiện; Trong đó, khối lượng của 02 hạng mục công việc Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01 của quý 1 năm 2016 là 64,5 tấn/ngày đêm, quý 2 năm 2016 là 51,505 tấn/ngày đêm (Lý do khối lượng rác quyết toán của quý 2 thấp hơn khối lượng rác 11,995tấn/ngày đêm là do trừ khối lượng rác ngoài thành phố M (rác của Công ty TNHH Long Uyên) đã đem vào cân để tính khối lượng rác bình quân của 01 ngày đêm khi đi cân thực tế là 11,995tấn/ngày đêm sau khi bị Đoàn thanh tra phát hiện). Cụ thể việc lập ký biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán, lập ký hồ sơ quyết toán, thanh toán tiền như sau:

- Ngày 31/5/2016, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 1/ 2016. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P - Phó trưởng phòng, Tống Nguyễn Thanh NLQ9 - Cán bộ, Nguyễn Thị Kim NLQ10 - Kế toán; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ký là Nguyễn Hữu NLQ13; Đại diện Công ty ký là Nguyễn Công K, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Ngày 31/5/2016, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 1 năm 2016 trị giá 5.379.869.190 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 1 năm 2016, ngày 07/7/2016 Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán

chi sự nghiệp kinh tế số 02/TTCI-TCKH thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.379.869.190 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ 3/5/2016 đến 15/7/2016, Phòng Quản lý đô thị thành phố M đã ban hành 02 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc Nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.379.869.190 đồng. (BL: 4225 -> 4252)

- Ngày 01/8/2016, Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M và Công ty ký Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán quý 2 năm 2016. Đại diện Phòng Quản lý đô thị thành phố M ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10; Đại diện Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ký là Huỳnh Trúc NLQ11 - Phó phòng, Nguyễn Hữu NLQ13; Đại diện Công ty ký là Nguyễn Công K, Trần Thị Thiện M, Phạm Văn R, Đặng Thế V.

+ Cùng ngày 01/8/2016, Công ty lập ký hồ sơ quyết toán quý 2 năm 2016 trị giá 5.145.273.462 đồng. Hồ sơ quyết toán có xác nhận của Phòng Quản lý đô thị thành phố M, người ký là Đào Thanh P, Tống Nguyễn Thanh NLQ9, Nguyễn Thị Kim NLQ10.

+ Sau khi thẩm tra hồ sơ quyết toán quý 2 năm 2016, ngày 31/10/2016 Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M ban hành Phiếu thẩm tra quyết toán chi sự nghiệp kinh tế số 09/TTCI-TCKH thống nhất cho quyết toán số tiền là 5.145.273.462 đồng. Người ký phiếu thẩm tra quyết toán là Lương Văn L1, Nguyễn Hữu NLQ13.

+ Từ ngày 30/6/2016 đến ngày 16/11/2016, Phòng Quản lý đô thị TP.M đã ban hành 02 Giấy rút dự toán ngân sách để chuyển khoản từ tài khoản số 9527 tại Kho bạc nhà nước thành phố M đến tài khoản số 7101.0000001257 của Công ty mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển chi nhánh tỉnh Tiền Giang thanh toán số tiền là 5.145.273.462 đồng. (BL: 4382 -> 4416)

Ngày 15/11/2016, Thanh tra tỉnh Tiền Giang ban hành Kết luận thanh tra số 98/KL-TT kết luận, kiến nghị khởi tố hành vi cung cấp doanh thu Phí vệ sinh cho Phòng Quản lý đô thị Tp. M không đúng thực tế của Công ty trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2013, năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 3.319.642.511 đồng.

Ngày 14/3/2017, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang ra Quyết định trưng cầu giám định số 30/PC46 trưng cầu Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang giám định về tài chính:

"*1. Căn cứ vào các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành xác định tính đúng, sai đối với hoạt động của Công ty Công trình đô thị M được nêu tại Mục 2, Công văn số 799/TT-PCTN ngày 30/11/2016 của Thanh tra tỉnh Tiền Giang, đối với công tác quản lý nhà nước về công tác tài chính. Nếu sai thì vi phạm quy định nào?*

2. Xác định thiệt hại do hành vi vi phạm xảy ra tại Công ty Công trình đô thị M."

Ngày 18/7/2017, Giám định viên tư pháp Đặng Thanh GĐ1 ký Kết luận giám định kết luận đối với nội dung Kiến nghị khởi tố *"Báo cáo không trung thực doanh thu vệ sinh để làm cơ sở thanh, quyết toán phí vệ sinh về phòng Quản lý Đô thị (thấp hơn so với doanh thu thực tế phát sinh) gây thiệt hại ngân sách nhà nước với số tiền là 3.319.642.511 đồng"* như sau:

"+ Thống nhất với Nguồn thu phí vệ sinh theo Kết luận của Thanh tra tỉnh số 98/KL-TT ngày 15/11/2016 của Thanh tra tỉnh Tiền Giang (trang 05;34):

Từ năm 2013 đến năm 2016:

- Doanh thu thực tế phát sinh: 39.383.949.243 đồng;

- Doanh thu báo cáo với Phòng QLĐT: 31.320.463.384 đồng.

Kế toán trưởng báo khống giảm doanh thu, nhằm để Công ty được thụ hưởng khoảng phí vệ sinh tăng thêm từ nguồn kinh phí NSNN hổ trợ, gây thiệt hại ngân sách là 3.319.642.511 đồng.

+ Thống nhất với việc quy trách nhiệm Kế toán trưởng Công ty, Phòng QLĐT, Phòng Tài chính - Kế hoạch của Thanh tra tỉnh Tiền Giang."

Kết quả điều tra vụ án xác định việc kết luận thiệt hại của hành vi cung cấp doanh thu Phí vệ sinh không đúng thực tế của Công ty trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2013, năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền 3.319.642.511 đồng thể hiện tại Kết luận thanh tra số 98/KL-TT của Thanh tra tỉnh Tiền Giang là sai, vì:

- Qua làm việc, Trần Huệ Minh - Kế toán là người trực tiếp thống kê doanh thu Phí vệ sinh thực tế cung cấp cho Đoàn thanh tra xác định doanh thu cung cấp không có phân biệt riêng doanh thu của Cơ quan hành chính sự nghiệp, Chợ, nhà trọ, Hộ dân, Sản xuất kinh doanh. Còn Đặng Thế V là người trực tiếp lập bảng kê, tính toán thiệt hại số tiền 3.319.642.511 đồng cung cấp cho Đoàn thanh tra xác

định căn cứ vào doanh thu Phí vệ sinh do Phòng Kế toán - Tài vụ cung cấp để tính toán ra doanh thu của từng đối tượng để từ đó tính toán ra thiệt hại thể hiện tại Bảng kê khấu trừ rác theo Phòng QLĐT từ năm 2014 đến Quí 2 năm 2016 ngày 25/8/2016 thiệt hại số tiền là 2.270.074.666 đồng và Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị giảm trừ chênh lệch doanh thu năm 2013 (tháng 1 đến 12/2013) ngày 07/9/2016 thiệt hại số tiền là 1.049.567.846 đồng của Công ty (Doanh thu Phòng Kế toán - Tài vụ cung cấp cho Đặng Thế V để tính toán ra thiệt hại 3.319.642.511 đồng cũng là doanh thu cung cấp cho Đoàn thanh tra).

- Thiệt hại do Phòng Quản lý đô thị thành phố M tính toán, xác định cung cấp cho Đoàn thanh tra trên cơ sở doanh thu Phí vệ sinh thực tế mà Đoàn thanh tra cung cấp theo đúng đơn giá thoả thuận với Công ty thì thiệt hại tổng số tiền là 6.547.570.763 đồng, cụ thể tại Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị giảm trừ chênh lệch doanh thu năm 2014 đến 30/6/2016 ngày 16/8/2016 thiệt hại là 4.091.374.246 đồng, Bảng tổng hợp khối lượng và giá trị giảm trừ chênh lệch doanh thu năm 2013 (tháng 1 đến 12/2013) ngày 01/9/2016 thiệt hại là 2.456.196.517 đồng.

- Lãnh đạo Đoàn thanh tra xác định Công ty áp dụng song song 02 đơn giá để quy đổi ra khối lượng rác từ doanh thu Phí vệ sinh để tính toán ra thiệt hại số tiền 3.319.642.511 đồng (Vừa lấy đơn giá theo thoả thuận đã ký nghiệm thu thanh quyết toán, vừa lấy đơn giá thực tế kinh doanh để quy đổi).

- Năm 2013 không có thiệt hại xảy ra, vì việc lấy doanh thu Phí vệ sinh năm 2011 thể hiện tại Biên bản họp quyết toán v/v thu phí vệ sinh năm 2011 giữa Cục Thuế tỉnh Tiền Giang, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M, Phòng Quản lý đô thị TP.M với Công ty để quy đổi ra khối lượng rác khấu trừ được Lãnh đạo Phòng Quản lý đô thị thành phố M, Phòng Tài chính - Kế hoạch thành phố M, Uỷ ban nhân dân thành phố M và Công ty chấp thuận như đã nêu trên và doanh thu năm 2011 là đúng thực tế, không hạ thấp.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang cho bộ phận Kế toán Công ty, các bị can và đơn vị bị hại là Phòng Quản lý đô thị thành phố M thống kê, xác định lại doanh thu Phí vệ sinh thực tế và thiệt hại theo đúng thoả thuận, ký kết tại hồ sơ nghiệm thu, thanh quyết toán. Kết quả xác định:

- Doanh thu Phí vệ sinh thực tế:

+ Năm 2013 là 8.977.064.156 đồng (Cơ quan hành chính sự nghiệp 154.471.520 đồng, Sản xuất kinh doanh là 4.098.563.436 đồng, Chợ là 53.181.200đ, Nhà trọ là 431.319.000 đồng, Hộ dân là 4.239.529.000 đồng).

+ Năm 2014 là 10.634.415.285 đồng (Cơ quan hành chính sự nghiệp là 170.285.594 đồng, Sản xuất kinh doanh là 4.903.592.691 đồng, Chợ là 52.518.576 đồng, Nhà trọ là 93.641.999 đồng, Hộ dân là 5.414.376.425 đồng).

+ Năm 2015 là 11.001.220.563 đồng (Cơ quan hành chính sự nghiệp là 178.240.577 đồng, Sản xuất kinh doanh là 5.341.985.394 đồng, Chợ là 116.336.457 đồng, Nhà trọ là 18.796.999 đồng, Hộ dân là 5.345.861.136 đồng)

- Thiệt hại của năm 2014, 2015 và quý 1,2 năm 2016 số tiền là 3.715.867.181 đồng (Cao hơn so với Kết luận giám định ngày 18/7/2017 của Giám định viên Đặng Thanh GĐ1 số tiền là 1.445.792.515 đồng). Cụ thể:

- Năm 2014: 864.899.776 đồng. Trong đó: Quý 1: 209.624.537 đồng; Quý 2: 214.335.201 đồng; Quý 3: 216.690.533 đồng; Quý 4: 224.249.505 đồng.

- Năm 2015: 1.791.488.832 đồng. Trong đó: Quý 1: 438.527.441 đồng; Quý 2: 446.342.861 đồng; Quý 3: 453.309.265 đồng; Quý 4: 453.309.265 đồng.

- Quý 1, 2 năm 2016: 1.059.478.573 đồng. Trong đó: Quý 1: 526.812.550 đồng; Quý 2: 532.666.023 đồng. (BL: 2353 -> 2538; 4063 -> 4416)

Ngày 31/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang có Quyết định trưng cầu giám định lại số 1080 trưng cầu giám định lại Tài chính - Kế toán để xác định doanh thu Phí vệ sinh thực tế của năm 2013, năm 2014, năm 2015; Thiệt hại của năm 2014, năm 2015 và quý 1, 2 năm 2016 và việc sử dụng số tiền này như thế nào.

Ngày 15/01/2019 kết luận giám định tài chính xác định: doanh thu Phí vệ sinh thực tế năm 2013, năm 2014, năm 2015 và thiệt hại của năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016, cụ thể thiệt hại tổng số tiền là 3.715.867.181 đồng. Toàn bộ số tiền 3.715.867.181 đồng được hạch toán chung vào hoạt động của Công ty nên Giám định viên không thực hiện công tác giám định đối với việc sử dụng số tiền này như thế nào do không phân tích được số liệu. (BL: 4425 ->4429)

Kết quả điều tra xác định toàn bộ số tiền thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 là 3.715.867.181 đồng chỉ xảy ra tại 02 hạng mục có Mã hiệu MT2.02.05,08 và MT3.01.01.

Ngoài ra, Thanh tra tỉnh Tiền Giang còn 02 nội dung Kiến nghị khởi tố nhưng Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang và Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang thống nhất không xử lý hình sự, trả hồ sơ cho Thanh tra tỉnh Tiền Giang xử lý theo thẩm quyền do không có dấu hiệu tội phạm và thủ tục không đảm bảo để khởi tố vụ việc sau:

- Thực hiện cân và thanh quyết toán thừa với UBND thành phố M phần giá trị khối lượng rác của Công ty TNHH Long Uyên (ngoài địa bàn thành phố M) với số tiền là 1.827.051.013 đồng. Cụ thể: từ tháng 8/2013 đến quý 1/2016, Thanh tra tỉnh đã phát hiện một số ngày cân rác để xác định khối lượng rác thanh quyết toán với UBND thành phố M, Công ty đi thu gom rác của Công ty TNHH Long Uyên, địa chỉ: ấp Tây, xã Kim Sơn, huyện Châu Thành (ngoài địa bàn thành phố M) và rác lá cây mé trên các tuyến đường thành phố M (có hợp đồng và thanh toán riêng với Công ty) để cân và xác định khối lượng rác trên toàn địa bàn thành phố M với khối lượng rác là 8.435 tấn rác tương ứng với số tiền là 1.827.051.013 đồng không có dấu hiệu tội phạm.

- Nội dung Kiến nghị khởi tố "Công ty đã được Uỷ ban nhân dân thành phố M và các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh Tiền Giang thanh quyết toán đầy đủ chi phí xử lý rác nhưng không thực hiện đầy đủ công tác xử lý rác theo định mức quy định, giai đoạn từ năm 2014 đến quý 1 năm 2016 với tổng số tiền 6.839.996.753 đồng" thủ tục không đảm bảo quy định tại Điều 7 Thông tư liên tịch số 02/2012/TTLT-VKSTC-TTCP-BCA-BQP ngày 22/3/2012 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, Thanh tra Chính phủ, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng quy định về quan hệ phối hợp giữa Cơ quan thanh tra, Cơ quan điều tra và Viện Kiểm sát trong việc phát hiện, điều tra, xử lý các vụ việc có dấu hiệu tội phạm do Cơ quan thanh tra kiến nghị khởi tố.

2.1. Đối với bị can Phan Văn H:

Với vai trò là Chủ tịch kiêm Giám đốc Công ty, trên cơ sở tham mưu của Phạm Văn R - Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh, Phan Văn H chỉ đạo Phạm Văn R, Trần Thị Thiện M - Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ kiêm Kế toán trưởng chỉ đạo nhân viên phối hợp thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được xác định, nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M. Từ đó, Phạm Văn R, Trần Thị Thiện M và Đặng Thế V - Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh đã chỉ đạo nhân viên 02 phòng phối hợp thực hiện theo chỉ đạo của Phan Văn H.

Bản thân Phan Văn H trực tiếp ký văn bản cung cấp doanh thu Phí vệ sinh năm 2013 cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M và hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán quý 1,2,3,4 năm 2014 trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2014 với tư cách Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Công trình đô thị M gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 864.899.776 đồng. Hành vi của Phan Văn H đã vi phạm khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 16 Luật Kế toán.

- Khoản 2 Điều 14 Luật Kế toán quy định: "Các hành vi bị nghiêm cấm:

2. Cố ý, thỏa thuận hoặc ép buộc người khác cung cấp, xác nhận thông tin, số liệu, kế toán sai sự thật."

- Khoản 2 Điều 16 Luật Kế toán quy định: trách nhiệm quản lý, sử dụng, cung cấp thông tin, tài liệu kế toán:

"2. Đơn vị kế toán có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu kế toán kịp thời, đầy đủ, trung thực, minh bạch cho tổ chức, cá nhân theo quy định."

2.2. Đối với bị can Nguyễn Công K:

Với vai trò là Phó Giám đốc trực tiếp phụ trách Đội Vệ sinh - Môi trường, Phòng Tổ chức - Hành chính (từ ngày 14/7/2011 trở về trước còn trực tiếp phụ trách thêm Phòng Thu phí vệ sinh) và điều hành hoạt động của Công ty khi Phan Văn H được UBND tỉnh Tiền Giang điều động đến UBND thành phố M nhận công tác khác từ ngày 25/3/2015.

Trong thời gian Nguyễn Công K điều hành hoạt động Công ty, nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ tiếp tục phối hợp với nhân viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được xác định, nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (thu gom, vận chuyển và xử lý) trong thành phố M.

Bản thân Nguyễn Công K trực tiếp ký văn bản cung cấp doanh thu Phí vệ sinh năm 2015 cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M và hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán quý 1,2,3,4 năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 với tư cách Phó Giám đốc Công ty trực tiếp gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 2.850.967.405đ. Mặc dù, Nguyễn Công K không thừa nhận nhưng trên cơ sở tài liệu, chứng cứ thu thập được đủ căn cứ xác định K biết việc điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh khi cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M, vì K trực tiếp phụ trách Đội vệ sinh môi trường, việc điều chỉnh giảm doanh thu diễn ra công khai tại Công ty và diễn ra từ năm 2014, việc phân phối lợi nhuận hàng năm được Ban Giám đốc công khai trong Công ty. Hành vi của Nguyễn Công K đã vi phạm khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 16 Luật Kế toán. (BL: 2481 -> 2538; 4063 -> 4416)

2.3. Đối với bị can Trần Thị Thiện M:

Với vai trò là Trưởng Phòng Kế toán - Tài vụ kiêm Kế toán trưởng, Trần Thị Thiện M thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phan Văn H đã chỉ đạo nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ phối hợp với nhân viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M.

Bản thân Trần Thị Thiện M trực tiếp ký văn bản cung cấp doanh thu Phí vệ sinh năm 2014, năm 2015 cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M và hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán quý 1,2,3,4 năm 2014, quý 1,2,3,4 năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 với tư cách Kế toán trưởng Công ty gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 3.715.867.181đ. Hành vi của Trần Thị Thiện M đã vi phạm khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 16 Luật Kế toán.

2.4. Đối với bị can Phạm Văn R:

Với vai trò là Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh có chức năng tham mưu cho Ban Giám đốc Công ty, chịu sự lãnh đạo và điều hành của Ban Giám đốc, thực hiện vai trò hoạch định chiến lược kinh doanh của Công ty, xây dựng kế hoạch kinh doanh và mở rộng, xây dựng và kiểm tra định mức sử dụng nguyên, nhiên vật liệu, quản lý hợp đồng kinh tế. Phạm Văn R thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phan Văn H đã chỉ đạo nhân viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh phối hợp với nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh năm 2013, năm 2014, năm 2015 cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được xác định, nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016.

Bản thân Phạm Văn R trực tiếp ký hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán quý 1,2,3,4 năm 2014, quý 1,2,3,4 năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 với tư cách Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 3.715.867.181đ. Hành vi của Phạm Văn R đã vi phạm khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 16 Luật Kế toán.

2.5. Đối với bị can Đặng Thế V:

Với vai trò là Phó Phòng Kế hoạch - Kinh doanh phụ trách lĩnh vực hợp đồng kinh doanh, vệ sinh môi trường, thu phí vệ sinh và theo dõi lĩnh vực công viên cây xanh, Đặng Thế V thực hiện ý kiến chỉ đạo của Phạm Văn R đã chỉ đạo, hướng dẫn nhân viên Phòng Kế hoạch - Kinh doanh phối hợp với nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ thống kê, điều chỉnh giảm doanh thu Phí vệ sinh cung cấp cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M nhằm mục đích để được nghiệm thu thanh quyết toán khối lượng rác nhiều hơn trong quá trình thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) trong thành phố M.

Bản thân Đặng Thế V trực tiếp ký văn bản cung cấp doanh thu Phí vệ sinh năm 2014, năm 2014, năm 2015 cho Phòng Quản lý đô thị thành phố M và hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán quý 1,2,3,4 năm 2014, quý 1,2,3,4 năm 2015 và quý 1,2 năm 2016 với tư cách Cán bộ kỹ thuật, Phó Trưởng Phòng Kế hoạch - Kinh doanh Công ty gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 3.715.867.181đ. Hành vi của Đặng Thế V đã vi phạm khoản 2 Điều 14, khoản 2 Điều 16 Luật Kế toán.

2.6. Đối với bị can Đào Thanh P:

Trách nhiệm của Thủ trưởng đơn vị sử dụng ngân sách (Phòng quản lý đôi thị TP M) được quy định tại khoản 4 Điều 52 Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách. Tuy nhiên theo Điều 4 Chương II Quy chế tổ chức hoạt động của Phòng quản lý đôi thị TP M (ban hành theo Quyết định 06-QĐ-QLĐT ngày 24/02/2014) Trưởng phòng đã phân công Đào Thanh P với vai trò là Phó Phòng Quản lý đô thị thành phố M phụ trách lĩnh vực Vệ sinh môi trường, giúp và chịu trách nhiệm trước Trưởng Phòng để tham mưu cho UBND thành phố M trong xác định khối lượng rác thanh toán (BL 1725).

Trong quá trình Công ty thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016, Đào Thanh P đã ký 10 văn bản đề nghị UBND thành phố M xác định khối lượng rác để nghiệm thu, thanh quyết toán và hồ sơ nghiệm thu thanh quyết toán.

Khi tham mưu, đề xuất UBND thành phố M xác định khối lượng rác, Đào Thanh P tin tưởng doanh thu Phí vệ sinh do Công ty cung cấp để quy đổi ra khối lượng rác là đúng thực tế nên không có kiểm tra dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 3.715.867.181đ.

Sau khi việc điều chỉnh hạ thấp doanh thu Phí vệ sinh của Công ty bị phát hiện qua công tác thanh tra. Kể từ năm 2017, Phòng Quản lý đô thị TP.M đã yêu cầu Công ty phải cung cấp Sổ kế toán là Sổ chi tiết bán hàng đính kèm văn bản cung cấp doanh thu Phí vệ sinh để kiểm tra doanh thu.

* Tại khoản 4 Điều 52 Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật ngân sách quy định trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách:

"a) Quyết định chi đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

b) Quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản nhà nước theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức; đúng mục đích, tiết kiệm, có hiệu quả. Trường lợp vi phạm, tùy theo tính chất mức độ, sẽ bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật;"

7.7. Đối với bị can Lương Văn L1:

Với vai trò là Trưởng Phòng Tài chính – kế hoạch thành phố M; người có trách nhiệm trong việc quản lý sử dụng ngân sách chi ngân sách nhà nước được quy định tại Điểm c khoản 1 Điều 52 Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật ngân sách.

Tuy nhiên, trong quá trình Công ty thực hiện Dịch vụ công ích đô thị Vệ sinh công cộng (Quét, thu gom, vận chuyển và xử lý rác) năm 2014, năm 2015 và quý 1,2 năm 2016, Lương Văn L1 đã ký 10 văn bản đề xuất UBND thành phố M xác định khối lượng rác để nghiệm thu, thanh quyết toán, Biên bản nghiệm thu khối lượng quyết toán và Phiếu thẩm tra quyết toán của Quý 1, 2, 3, 4 năm 2014 và Quý 1, 2, 3, 4 năm 2015 và Quý 1, 2 năm 2016. Khi tham mưu, đề xuất UBND thành phố M xác định khối lượng rác, Lương Văn L1 tin tưởng doanh thu Phí vệ sinh do Công ty cung cấp để quy đổi ra khối lượng rác là đúng thực tế nên không có kiểm tra dẫn đến gây thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước số tiền là 3.715.867.181đ.

* Tại điểm c khoản 1 Điều 52 Nghị định 60/2003/NĐ-CP ngày 06/6/2003 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật ngân sách quy định trách nhiệm của đơn vị sử dụng ngân sách:

"c) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện chi tiêu và sử dụng ngân sách ở các cơ quan, đơn vị sử dụng ngân sách. Trường hợp phát hiện vượt nguồn cho phép, sai chính sách, chế độ hoặc đơn vị không chấp hành báo cáo thì có quyền yêu cầu Kho bạc Nhà nước tạm ngừng thanh toán …"

* Về trách nhiệm dân sự:

Đến nay, Công ty đã nộp khắc phục toàn bộ số tiền thiệt hại 3.715.867.181 đồng, cụ thể:

- Từ ngày 08/12/2016 đến ngày 28/12/2016, Công ty đã chuyển khoản từ tài khoản số 71010000001257 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt

Nam chi nhánh Tiền Giang đến tài khoản số 3949-1048895 của Thanh tra tỉnh Tiền Giang mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang nộp khắc phục số tiền là 3.319.642.511 đồng. Sau khi nhận được số tiền 3.319.642.511 đồng, ngày 09/02/2017 Thanh tra tỉnh Tiền Giang đã tự xử lý bằng hình thức nộp Ngân sách Nhà nước toàn bộ số tiền này (Việc xử lý số tiền 3.319.642.511 đồng của Thanh tra tỉnh Tiền Giang chỉ sau thời gian chuyển hồ sơ Kiến nghị khởi tố cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang lần đầu vào ngày 21/12/2016).

- Ngày 12/7/2019, Công ty đã chuyển khoản từ tài khoản số 71010000001257 mở tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam chi nhánh Tiền Giang đến tài khoản số 3949.0.9042546 của Công an tỉnh Tiền Giang mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Tiền Giang nộp khắc phục số tiền là 396.224.670 đồng. (BL: 6149 ->6151; 6156)

Bản cáo trạng số 34/CT-VKSTG-P2 ngày 17/10/2019 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang đã truy tố các bị cáo **Phan Văn H** về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm d khoản 2 Điều 165 Bộ luật hình sự năm 1999, **Nguyễn Công K** về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng" theo khoản 3 Điều 165 và tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 1 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999, **Trần Thị Thiện M** về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội "Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017**, Phạm Văn R** về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà Nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", theo khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999; **Đặng Thế V** về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà Nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", theo khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999; **Nguyễn Thị Thùy L** về tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; **Đào Thanh P** về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999; **Lương Văn L1** về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 18/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang quyết định:

1/ Tuyên bố: bị cáo **Phan Văn H** phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" theo điểm d khoản 2 Điều 165 BLHS năm 1999; **Nguyễn Công K** phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng" theo khoản 3 Điều 165

và tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 1 Điều 285 BLHS năm 1999; **Trần Thị Thiện M** phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng" theo khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999 và tội "Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015; **Phạm Văn R, Đặng Thế V** phạm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà Nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", theo khoản 3 Điều 165 Bộ luật Hình sự năm 1999; **Nguyễn Thị Thùy L** phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản" theo điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015; **Đào Thanh P, Lương Văn L1** phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", theo quy định tại khoản 2 Điều 285 Bộ luật Hình sự năm 1999;

- Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 165 BLHS 1999; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Phan Văn H **03 (ba)** năm tù. Cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường 5 thành phố M tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

-Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 165; Điều 38; Điều 50; điểm b, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công K 04 (bốn) năm tù về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng"

-Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 1 điều 285 BLHS 1999; Điều 38; Điều 50; điểm b, v, x khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS 2015. Xử phạt bị cáo Nguyễn Công K **01 (một)** năm tù về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng".

Áp dụng điều 55 BLHS năm 2015 tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo K chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

-Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 165 BLHS 1999; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51;

khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thiện M 04 (bốn) năm tù về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng".

-Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 điều 355; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Thị Thiện M 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội "Tội lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản";

Áp dụng điều 55 BLHS năm 2015 tổng hợp hình phạt chung của 02 tội buộc bị cáo M chấp hành là 05 (năm) 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt chấp hành án.

-Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 165 BLHS 1999; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Phạm Văn R **04 (bốn)** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

-Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 3 Điều 165 BLHS 1999; Điều 38; Điều 50; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Đặng Thế V 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

-Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; điểm d khoản 2 Điều 355; Điều 38; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 BLHS năm 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thùy L 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị bắt chấp hành án.

- Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Lương Văn L1** 03 (ba) năm tù. Cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường 4 thành phố M tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này.

- Áp dụng Nghị quyết số 41 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; khoản 2 Điều 285 Bộ luật hình sự năm 1999; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65

Bộ luật hình sự năm 2015 xử phạt bị cáo **Đào Thanh P 03 (ba)** năm tù. Cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 05 năm tính kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo cho UBND phường 6 thành phố M tỉnh Tiền Giang giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật này..

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/5/2020, bị cáo Trần Thị Thiện M kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 28/5/2020, bị cáo Nguyễn Công K kháng cáo kêu oan về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng" và xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng"; Bị cáo Đào Thanh P kháng cáo kêu oan.

Ngày 29/5/2020, bị cáo Đặng Thế V kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Lương Văn L1 kháng cáo kêu oan.

Ngày 01/6/2020, bị cáo Phạm Văn R kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xác định lại số tiền gây thiệt hại, đồng thời xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo; Bị cáo Nguyễn Thị Thùy L kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Ngày 16/6/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh có Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 14/QĐ-VC3-V1 đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Trần Thị Thiện M thừa nhận hành vi phạm tội như cáo trạng và bản án sơ thẩm xử là đúng nhưng kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do: Đối với tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản", bản thân bị cáo đã thành khẩn khai báo, khắc phục hậu quả; đối với tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", bản thân thực hiện theo chỉ đạo và không tư lợi cá nhân. Ngoài ra, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, mẹ và chồng đều đã lớn tuổi, bị cáo là lao động chính trong gia đình.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Trần Thị Thiện M, Luật sư Nguyễn Phi LS3 phát biểu ý kiến thống nhất quan điểm kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh liên quan đến tội danh của bị cáo M và đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại do còn nhiều tình tiết chưa được làm rõ, tránh gây oan sai cho bị cáo.

- Bị cáo Nguyễn Thị Thùy L thống nhất nội dung kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Bị cáo Nguyễn Công K kháng cáo kêu oan về tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng". Bị cáo khai nhận chủ trương hạ thấp doanh thu phí vệ sinh do bị cáo Phan Văn H là Giám đốc Công ty chỉ đạo bị cáo Trần Thị Thiện M - Kế toán trưởng và bị cáo Phạm Văn R - Trưởng phòng Kế hoạch kinh doanh tổ chức thực hiện. Bị cáo K không biết chủ trương này. Cấp sơ thẩm quy kết số tiền thiệt hại cho Ngân sách Nhà nước là 3.715.867.181 đồng là không đúng thực tế vì đơn giá mà kết luận giám định áp dụng để quy đổi không phù hợp với đơn giá Công ty thực hiện.

Đối với tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng": Tháng 8/2015, bị cáo K ký bảng công khai kết quả thu chi tiền trích lương CBCNV gửi tiền tiết kiệm của Phòng Kế toán - Tài vụ báo cáo do bị cáo Thiện M và bị cáo Thùy L trình ký. Do tin tưởng vào cấp dưới nên bị cáo mới ký vào văn bản. Khi bị tố cáo bị cáo đã yêu cầu bị cáo M, bị cáo L giải trình nhưng 02 bị cáo này vẫn khẳng định không chiếm đoạt 362.107.502 đồng tiền lãi tiết kiệm nên bị cáo tin tưởng. Do vậy, xin giảm nhẹ hình phạt đối với tội này do hậu quả đã được khắc phục toàn bộ và hiện bị cáo đang bị bệnh tim.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Công K, Luật sư Nguyễn Bảo LS2 phát biểu ý kiến thống nhất kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Mặt khác, đối với tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng", hồ sơ vụ án thể hiện, khoản thu phí vệ sinh không thuộc ngân sách nhà nước mà là doanh thu của Công ty nên các bị cáo không gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước. Về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng", tháng 7 năm 2015 khi được bàn giao công việc từ bị cáo H, biên bản bàn giao thể hiện bị cáo K không có trách nhiệm phải kiểm tra chi tiết khoản thu chi tiền trích lương cán bộ công nhân viên gửi tiền tiết kiệm, bị cáo K đã làm hết trách nhiệm của mình. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Bị cáo Phạm Văn R thay đổi kháng cáo, kêu oan cho rằng không phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết vì bị cáo không tham mưu việc báo cáo hạ thấp

doanh thu mà chỉ thực hiện theo sự chỉ đạo của ban lãnh đạo. Đồng thời, yêu cầu xác định lại số tiền gây thiệt hại do cấp sơ thẩm đã thẩm định không đúng khối lượng rác thực tế Công ty hợp đồng với các đơn vị sản xuất kinh doanh. Cấp sơ thẩm lấy đơn giá do Phòng quản lý đô thị lập quy ra khối lượng rác để tính số tiền thiệt hại là không chính xác vì đó không phải là khối lượng rác thực tế.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Phạm Văn R, Luật sư Đặng Minh LS4 phát biểu ý kiến thống nhất kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đồng thời cho rằng bản án của Tòa án cấp sơ thẩm có dấu hiệu hình sự hóa quan hệ dân sự vì quan hệ giữa Công ty với UBND thành phố M là quan hệ hợp đồng dân sự, nếu Công ty vi phạm thỏa thuận phải đưa ra giải quyết theo thủ tục tố tụng dân sự. Mặt khác, cấp sơ thẩm cũng không chứng minh được các bị cáo cố ý làm trái quy định nào của nhà nước về quản lý kinh tế bởi vì việc xác định khối lượng rác thanh toán được thực hiện theo thỏa thuận giữa UBND thành phố M và Công ty nên không chịu sự điều chỉnh của quy định pháp luật nào. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Bị cáo Đặng Thế V thay đổi kháng cáo, kêu oan cho rằng bị cáo không phạm tội như bản án của Tòa án cấp sơ thẩm đã quy kết. Vì bị cáo không chỉ đạo các nhân viên Phòng Kế toán - Tài vụ thực hiện cắt giảm doanh thu của Công ty báo về Phòng Quản lý đô thị thành phố M.

Người bào chữa theo luật định cho bị cáo Đặng Thế V, Luật sư Phạm Quang LS5 phát biểu ý kiến thống nhất kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, chưa đủ căn cứ xác định bị cáo V đồng phạm vì bị cáo không biết và không tham gia họp bàn chủ trương cắt giảm doanh thu phí vệ sinh. Bị cáo chỉ thực hiện theo chỉ đạo của cấp trên, việc cắt giảm doanh thu các năm bị cáo không chỉ đạo cấp dưới thực hiện mà do bị cáo R chỉ đạo. Hơn nữa, theo quy chế Công ty, Phòng Kế hoạch kinh doanh chỉ có nhiệm vụ phối hợp với Phòng Kế toán - Tài vụ để lấy số liệu quyết toán nên không có quyền quyết định việc cắt giảm doanh thu. Ngoài ra, bị cáo V cũng không hưởng lợi gì, chỉ thực hiện nghĩa vụ của người lao động trong quan hệ lao động với Công ty. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm để điều tra, xét xử lại.

- Bị cáo Đào Thanh P kháng cáo kêu oan cho rằng không phạm tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" vì bị cáo chỉ là người giúp việc cho Trưởng Phòng Quản lý đô thị thành phố M về công tác vệ sinh môi trường. Việc cân rác thực tế làm căn cứ tham mưu đề xuất khối lượng rác giao khoán kiểm tra hàng ngày và tổng hợp tháng, nghiệm thu quyết toán do chuyên viên Tống Nguyễn Thanh NLQ9 trực tiếp thực hiện.

Nguyên nhân gây thiệt hại do Công ty đã gian dối, cố tình báo cáo hạ thấp doanh thu thực tế. Các báo cáo của Công ty có đầy đủ chữ ký của Giám đốc, Kế toán trưởng, dựa trên thỏa thuận giữa Phòng quản lý đô thị, Phòng Tài chính kế hoạch và Công ty, theo đó, Công ty có trách nhiệm cung cấp Bảng tổng hợp doanh thu phí vệ sinh. Bảng tổng hợp này gửi cho Trưởng phòng sau đó chuyển cho chuyên viên Bình làm cơ sở lập dự toán quý, năm chứ không chuyển cho bị cáo. Bị cáo chỉ là người kiểm tra nội dung phải thực hiện theo sự thỏa thuận.

Người bào chữa cho bị cáo Đào Thanh P, Luật sư Nguyễn Văn LS6 phát biểu ý kiến: Cần xác định vị trí, vai trò của bị cáo P trong vụ án. Theo quy chế làm việc, Trưởng phòng Trần Minh NLQ12 là người chịu trách nhiệm trước pháp luật, bị cáo P chỉ chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng, người trực tiếp tham mưu, giám sát mảng vệ sinh môi trường là chuyên viên Tống Nguyễn Thanh NLQ9. Trưởng phòng NLQ12 là người chịu trách nhiệm cao nhất và xuyên suốt quá trình thanh quyết toán khối lượng rác công ích cho Công ty. Bị cáo P chỉ có nhiệm vụ ký văn bản giao khoán rác, nghiệm thu thanh quyết toán theo sự tham mưu của chuyên viên Bình, không có trách nhiệm và không có quyền kiểm tra về mặt tài chính của Công ty, trách nhiệm này thuộc Phòng Tài chính kế hoạch. Như vậy, bị cáo P đã thực hiện đúng quy định và trình tự, thủ tục như Trưởng phòng đã làm từ năm 2012. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo P không phạm tội.

- Bị cáo Lương Văn L1 kháng cáo cho rằng không phạm tội như bản án sơ thẩm đã quy kết vì bị cáo cũng chỉ là nạn nhân của hành vi gian dối của Công ty. Bên cạnh đó, Phòng Tài Chính kế hoạch không được giao nhiệm vụ giám sát, kiểm tra tính toán số liệu thực tế, công việc này do Phòng quản lý đô thị thực hiện.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn L1, Luật sư Nguyễn Trung LS7 phát biểu ý kiến cho rằng cấp sơ thẩm chưa xác định đúng nhiệm vụ của bị cáo L1. Phòng Tài chính - Kế hoạch có phân công cụ thể trách nhiệm của từng cá nhân, theo đó, ông Nguyễn Hữu NLQ13 là người trực tiếp phụ trách việc thanh toán rác. Bị cáo L đã thực hiện đúng chức năng, nghiệm vụ. Mặt khác, Phòng Tài chính - Kế hoạch có nhiệm vụ tham mưu chứ không quyết định, hành vi của Phòng Tài chính - Kế hoạch do bị cáo L1 đại diện không có mối quan hệ nhân quả với hậu quả xảy ra. Khi UBND thành phố M xuất chi mới trực tiếp gây hậu quả. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo L1 không phạm tội.

- Bị cáo Phan Văn H không kháng cáo, thống nhất với bản án sơ thẩm. Đồng thời, không đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh vì chủ trương hạ thấp doanh thu bị cáo K có biết, số tiền thiệt hại ngân sách cấp sơ thẩm xác định là đúng, bị cáo không

có tư lợi trong số tiền này, do Công ty thua lỗ mới thực hiện việc cắt giảm doanh thu nêu trên. Do vậy, yêu cầu Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Phan Văn H, Luật sư Lê Trần Hồng LS1 phát biểu ý kiến không đồng ý với kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đối với nhóm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng", vì hồ sơ vụ án tại các văn bản giải trình của Công ty, kết luận thanh tra và các tài liệu khác đã thể hiện việc quy đổi khối lượng rác theo cách tính của Phòng Quản lý đô thị thành phố M làm Công ty bị thua lỗ, nên các bị cáo đã thực hiện hành vi cắt giảm doanh thu nêu trên, đây là chủ trương chung của Công ty, số tiền thu được đều hạch toán vào doanh thu Công ty. Số tiền gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước mà cấp sơ thẩm đã xác định là đúng do được giám định dựa trên việc bóc tách từng hóa đơn, chứng từ, áp dụng đúng đơn giá quy đổi, phù hợp với số tiền thiệt hại do Phòng Quản lý đô thị thành phố M xác định và được Công ty thống nhất. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với nhóm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiệm trọng".

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm: Đối với hành vi lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản, các cơ quan tiến hành tố tụng cấp sơ thẩm xác định các bị cáo không sử dụng được toàn bộ số tiền chiếm đoạt là do bị tố cáo, cơ quan chức năng vào cuộc. Tuy nhiên, quá trình điều tra chưa làm rõ chưa làm rõ số tiến gởi tiết kiệm để mua cổ phần mà Thủ quỹ Huỳnh Thị H3 đã rút ra là 1.020.900.000đ được sử dụng thế nào, có đúng mục đích không; số tiền 797.800.932đ thủ quỹ NLQ3 rút từ tài khoản phong tỏa bán cổ phần của Công ty được hạch toán thế nào; tài khoản phong tỏa tại sao các bị cáo lại rút được tiền; đây là tiền gửi tiết kiệm để dành mua cổ phần nhưng tại sao lại được sử dụng để chi trả dôi dư cho công nhân nghỉ. Ngoài ra, số tiền 105.014.368đ thủ quỹ NLQ3 giữ, các nghiệp vụ kế toán đối với số tiền này như thế nào? Cấp sơ thẩm cho rằng trong số tiền chiếm đoạt, bị cáo M hưởng lợi 145.000.000đ, L hưởng lợi 60.185.932đ, NLQ3 giữ 105.014.368đ, số tiền còn lại ai hưởng lợi và đã sử dụng thế nào? Do đó, chưa có đủ cơ sở xác định các bị cáo M, L phạm tội "Lạm dụng chức vụ, quyền hạn chiếm đoạt tài sản".

Đối với nhóm tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng", cấp sơ thẩm chưa thu thập chứng cứ làm rõ trong thời gian các bị cáo phạm tội, Công ty có thực sự thua lỗ hay không để xác định động cơ, mục đích phạm tội; cần thu thập tài liệu chứng minh kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty tại thời điểm các bị cáo phạm tội. Bên cạnh đó, chủ

trương hạ thấp doanh thu có phải là Chủ trương chung của Công ty hay không, tại sao Phó giám đốc khác lại không biết; quy chế của Công ty thể hiện thế nào về vai trò của Phó Giám đốc. Báo cáo kiểm toán độc lập năm 2014 thể hiện báo cáo tài chính đã thể hiện trung thực và phù hợp với tình hình kinh doanh. Tuy nhiên, Báo cáo tài chính năm 2014, 2015 không được cơ quan tiến hành tố tụng viện dẫn trong kết luận điều tra, cáo trạng và bản án; người bào chữa cũng không được tiếp cận các tài liệu này.

Hơn nữa, cần giám định lại lần thứ hai để xác định thiệt hại do hai kết luận giám định tài chính có mâu thuẫn về tổng số tiền thiệt hại, để đảm bảo giải quyết vụ án khách quan, đúng quy định.

Mặt khác, cấp sơ thẩm xác định sai nghĩa vụ bồi thường thiệt hại. Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội gây thiệt hại nên phải có trách nhiệm bồi thường cho UBND thành phố M, nếu Công ty đã bồi thường thì các bị cáo phải hoàn lại số tiền này cho Công ty.

Ngoài ra, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xác định không đúng tư cách tố tụng: Phòng Quản lý đô thị thành phố M và Công ty là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chứ không phải là đơn vị liên quan như bản án xác định.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án sơ thẩm đề điều tra, xét xử lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng trong điều tra, truy tố, xét xử:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Tiền Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang, Kiểm sát viên, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, NLQ3 ký Tòa án trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và Luật sư bào chữa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Đối với tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản", các bị cáo Trần Thị Thiện M, Nguyễn Thị Thùy L đã thừa nhận hành vi phạm tội như

bản án sơ thẩm đã nêu; qua lời khai nhận của các bị cáo và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở để xác định như sau:

[2.1] Thực hiện chủ trương của Ban lãnh đạo và tập thể cán bộ công chức đơn vị về việc thu tiền của cán bộ công nhân viên gửi tiết kiệm để dành mua cổ phiếu khi Công ty cổ phần hóa, các bị cáo M, L là những người trực tiếp được giao nhiệm vụ theo dõi, thực hiện việc gửi và chi trả vốn lãi tiền tiết kiệm cho CBCNV. Theo khai nhận của Thủ quỹ Đinh Phạm Anh NLQ3 (các Bl 5876-5877, BL 5884 – 5887), từ ngày 03/8/2015 đến 05/8/2015 bị cáo L rút tất toán 4.292.196.000 đồng, để chi trả vốn cho CBCNV. Sau khi chia hai tổ chi trả cho 288 CBCNV với số tiền là 4.074.262.000đ. Các tổ trả lại quỹ còn dư là 217.934.000 đồng. Giai đoạn trước đó, Thủ quỹ Huỳnh Thị H3 có rút trong số tiền gửi tiết kiệm 1.020.900.000đ. Trong đó 312.018.700đ chi trả cho 15 người có đơn xin rút trước theo danh sách là 333.500.000đ, do thiếu tiền nên có mượn quỹ Công ty 23.000.000đ chi cho Phạm Long Hải nên còn dư 1.518.700 đồng bỏ trong bì thư ở trong hộp tài liệu, và 708.881.300đ chi trả dôi dư cho công nhân nghỉ việc là 798.800.932đ, do thiếu nên mượn quỹ Công ty là 89.919.632đ (vì tiền trả dôi dư phải lấy từ nguồn cổ phần hóa, do Công ty chưa cổ phần hóa nên mượn tiền tiết kiệm [(sẽ mua cổ phần)] để chi trả). Do Thủ quỹ H3 có mượn quỹ Công ty hai nguồn trên, nên Thủ quỹ NLQ3 được lệnh trả lại quỹ số tiền này nên NLQ3 còn giữ 105.014.368đ (217.934.000đ – 23.000.000đ – 89.919.632đ). NLQ3 có báo với bị cáo M và bị cáo L số tiền còn dư này nhưng được lệnh cứ giữ ở đó. Đến ngày 12/8/2015, theo chỉ đạo của M, NLQ3 đi rút 798.800.932đ từ tài khoản phong tỏa (tài khoản bán cổ phần của Công ty) về giao cho bị cáo L chi trả lãi tiết kiệm cho CBCNV. Sau khi chi trả, L xác định còn dư 200.255.932đ (BL 6101).

[2.2] Như vậy, tại thời điểm sau khi chi trả tiền tiết kiệm và lãi cho CBCNV xong, bản thân các bị cáo L và M biết chắc rằng số tiền lãi tiết kiệm của CBCNV còn chưa chi hết là trên 300.000.000 đồng (BL 6165), lúc này các bị cáo chưa xác định chính xác dư bao nhiêu. Tuy nhiên, bị cáo M và bị cáo L vẫn đồng thuận làm thông báo công khai cho CBCNV biết chỉ còn dư 11.195.847đ nhằm giấu đi số dư thừa còn lại để chiếm đoạt là gian dối và tội phạm hoàn thành kể từ thời điểm 02 bị cáo lập Bảng công khai tiền gửi thông báo cho CBCNV biết đã chi hết số tiền lãi. Số tiền cụ thể các bị cáo có ý muốn chiếm đoạt là toàn bộ số tiền còn dư thừa (thừa bao nhiêu lấy bấy nhiêu) vì lúc này các bị cáo chưa kiểm tra xác định được chính xác số dư thừa là bao nhiêu. Quá trình điều tra, đã xác định được số dư này là 362.107.520đ (7.982.829.400đ – 7.608.007.333đ – 11.195.847đ – 1.518.700đ). Việc các bị cáo chưa sử dụng

được số tiền này là do bị ông Lâm Thiện BH1 tố cáo và các cơ quan chức năng vào cuộc là ngoài ý muốn của các bị cáo. Ý thức chiếm đoạt của các bị cáo còn thể hiện ở chỗ, ngay khi công khai thông báo đã có đơn tố cáo liên quan đến số tiền lãi này và yêu cầu công khai chứng từ nhưng các bị cáo dù biết rõ còn dư tiền nhưng vẫn tham mưu cho bị cáo K bác khiếu nại của ông BH1. Tuy hoạt động gửi tiền tiết kiệm của Công ty là nằm ngoài phạm vi, lĩnh vực hoạt động của Công ty, nhưng không trái pháp luật và là chủ trương chung được tập thể Công ty đồng ý, thống nhất thực hiện. Ban giám đốc có phân công bộ phận, con người cụ thể theo dõi kiểm tra và nếu các bị cáo M, bị cáo L không phải là Trưởng, Phó phòng Kế toán được phân công giao nhiệm vụ thì không thể chiếm đoạt được số tiền này.

[2.3] Do đó, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm quy kết bị cáo Trần Thị Thiện M, bị cáo Nguyễn Thị Thùy L phạm tội "Lạm dụng chức vụ quyền hạn chiếm đoạt tài sản", theo điểm d khoản 2 Điều 355 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng người, đúng tội.

[2.4] Tuy nhiên, trong số tiền 362.107.520đ, bị cáo M chỉ đạo NLQ3 giữ 105.014.368đ tại kho quỹ của Công ty (theo lời khai của NLQ3 – BL 5861, 5862, 5864) mà không chiếm đoạt sử dụng. Cấp sơ thẩm chưa làm rõ nghiệp vụ kế toán đối với số tiền này được thực hiện như thế nào, có nhập vào quỹ của Công ty hay không?

[2.5] Hơn nữa, theo lời khai của các bị cáo M, L và Thủ quỹ NLQ3, ngoài số tiền M và L hưởng lợi, NLQ3 giữ tại kho quỹ, số tiền còn lại, M chỉ đạo NLQ3 nộp 51.246.000 đồng vào tài khoản bán cổ phần của Công ty để mua cổ phần cho 05 CBCNV. Tuy nhiên, nếu tính cả số tiền này, vẫn còn thiếu 661.220 đồng (362.107.520 - 60.185.932 – 145.000.000 - 105.014.368 - 51.246.000), vậy số tiền này ai là người quản lý và sử dụng thế nào chưa được cấp sơ thẩm làm rõ.

[2.6] Mặt khác, ngày 12/8/2015, theo chỉ đạo của M, NLQ3 rút số tiền 798.800.932 đồng từ tài khoản phong tỏa (tài khoản bán cổ phần của Công ty). Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo M và Thủ quỹ NLQ3 khai nhận thủ tục rút tiền này chỉ cần có giấy rút tiền của Công ty vì thực tế tài khoản trên không bị phong tỏa. Như vậy, cấp sơ thẩm chưa làm rõ tài khoản này có bị phong tỏa theo quy định pháp luật hay không. Nếu tài khoản bị phong tỏa, tại sao NLQ3 lại rút được tiền, thủ tục rút tiền được thực hiện như thế nào?

[2.7] Do đó, Kháng nghị phần này của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có cơ sở.

[3] Đối với tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" của bị cáo Nguyễn Công K.

[3.1] Việc thu tiền của CBCNV gửi tiết kiệm để dành mua cổ phần khi Công ty cổ phần hóa là chủ trương nội bộ Công ty, số tiền lãi tiết kiệm là tiền của CBCNV. Tại biên bản bàn giao nhiệm vụ giám đốc của Công ty vào ngày 29/4/2015, bị cáo K được giao phụ trách Công ty.

[3.2] Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa làm rõ pháp luật, nội quy, điều lệ của Công ty có quy định buộc người phụ trách Công ty phải biết việc thu tiền của CBCNV gửi tiết kiệm để dành mua cổ phần khi Công ty cổ phần hóa và việc thu chi tiền này hay không? Thiệt hại do hành vi chiếm đoạt số tiền của bị cáo M, bị cáo L gây ra là tiền của CBCNV đã được khắc phục, quyền và lợi ích hợp pháp của CBCNV không còn bị xâm hại, vậy có gây hậu quả nghiêm trọng không?

[4] Đối với tội "Cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng".

[4.1] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, từ việc Công ty cố ý cung cấp số liệu doanh thu không đúng thực tế đã gây thất thoát cho ngân sách UBND thành phố M là 3.715.867.181 đồng. Tuy nhiên, cấp sơ thẩm chưa xác định rõ cá nhân cụ thể nào của Công ty thực hiện hành vi nêu trên cũng như chưa làm rõ số tiền thiệt hại được quản lý, sử dụng vào mục đích cá nhân hay phục vụ hoạt động Công ty. Mặt khác, cũng chưa thu thập chứng cứ làm rõ trong khoảng thời gian các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, Công ty có thực sự kinh doanh thua lỗ hay không để xác định rõ động cơ, mục đích phạm tội của các bị cáo. Tại phiên tòa, bị cáo M khai nhận Báo cáo tài chính của Công ty cho Sở Tài chính tỉnh Tiền Giang thể hiện doanh thu phí vệ sinh thực tế của Công ty được quyết toán đầy đủ và đúng quy định của pháp luật. Hồ sơ vụ án thể hiện, có 02 bản báo cáo kiểm toán độc lập của năm 2014 và 2015 đều do Công ty thuê đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện, nhưng báo cáo tài chính quý 1, 2 năm 2016 chưa thực hiện việc kiểm toán. Như vậy, cần phải thu thập thêm các tài liệu chứng minh kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong thời điểm nêu trên.

[4.2] Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng việc hạ thấp doanh thu rác trong nhân dân và kê khai tăng khối lượng rác công cộng là chủ trương chung của Công ty, vậy tại sao Phó Giám đốc phụ trách khác lại không biết; các thành viên ban giám đốc hàng năm có họp bàn và thông qua báo cáo kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty từ năm 2013 đến 2016 hay không chưa được cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ làm rõ. Từ đó, xác định các bị cáo làm trái quy định nào của pháp luật dẫn đến gây thiệt hại cho ngân sách Nhà nước.

[4.3] Hơn nữa, quá trình điều tra, xét xử sơ thẩm cũng chưa làm rõ mâu thuẫn trong việc xác định thiệt hại, thể hiện như sau:

Ngày 18/7/2017, Giám định viên tư pháp Đặng Thanh GĐ1 ký Kết luận giám định xác định về việc các sai phạm về lĩnh vực Tài chính – Kế toán tại Công ty đối với "Báo cáo không trung thực doanh thu vệ sinh để làm cơ sở thanh, quyết toán phí vệ sinh về Phòng Quản lý đô thị (thấp hơn so với doanh thu thực tế phát sinh) gây thiệt hại ngân sách nhà nước với số tiền là 3.319.642.511 đồng".

Ngày 31/8/2018, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Tiền Giang có Quyết định trưng cầu giám định lại (lần thứ nhất) số 1080, trưng cầu bà Đinh Thị Thủy GĐ2, giám định lại Tài chính - Kế toán để xác định doanh thu Phí vệ sinh thực tế của năm 2013, năm 2014, năm 2015; Thiệt hại của năm 2014, năm 2015 và quý 1, 2 năm 2016 và việc sử dụng số tiền này như thế nào.

Ngày 15/01/2019, bà Đinh Thị Thủy GĐ2 ký kết luận giám định, kết luận: Số tiền Phòng Quản lý đô thị thành phố M phải thanh toán cho Công ty các Quý 1, 2, 3, 4 năm 2014; Quý 1, 2, 3, 4 năm 2015; Quý 1, 2 năm 2016 là 3.715.867.181 đồng.

Riêng về số tiền Phòng Quản lý đô thị thành phố M thanh toán cho Công ty được hạch toán vào doanh thu chung toàn bộ hoạt động của Công ty. Giám định viên không thực hiện công tác giám định nội dung này. Lý do: không phân tích được số liệu theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Tiền Giang.

[4.4] Như vậy, kết quả hai lần giám định có mâu thuẫn về tổng số tiền thiệt hại. Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định cơ sở giám định lại là kết quả kiểm đếm thực tế từng hóa đơn chứng từ mua bán hàng hóa của Công ty do Cơ quan điều tra thu thập nên kết luận giám định lại là đúng. Tuy nhiên, để đảm bảo tính khách quan, kết quả này cần phải được đối chiếu với báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, nhưng các báo cáo này chưa được cấp sơ thẩm thu thập đầy đủ. Mặt khác, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm cũng chưa xem xét đánh giá việc thu thập các số liệu làm căn cứ giám định có được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục Luật định hay không? Tại phiên tòa, bị cáo M và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Lê Huệ NLQ4 khai việc bóc tách hóa đơn để làm cơ sở giám định lại do chị NLQ4 thực hiện, bị cáo M chỉ ký xác nhận kết quả. Quá trình thu thập chứng cứ như vậy có đúng quy định hay không. Giám định viên căn cứ vào kết quả này để thực hiện giám định có đảm bảo tính hợp pháp của kết luận giám định hay không?

[4.5] Ngoài ra, Kết luận giám định lại xác định không giám định được việc sử dụng số tiền thiệt hại như thế nào do tiền này được hạch toán vào doanh thu

chung toàn bộ hoạt động của Công ty nên không phân tích được số liệu theo yêu cầu của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an tỉnh Tiền Giang nhưng tại Kết luận giám định lần 1, bị cáo M lại giải trình được việc phân phối số tiền thiệt hại trong hoạt động của Công ty (BL 4710, 4712).

[4.6] Do đó, cần thiết phải trưng cầu giám định lần thứ hai đối với thiệt hại do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra, nhằm làm rõ mâu thuẫn của 02 kết luận giám định về số tiền thiệt hại để đảm bảo giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Về tội "Thiếu trách nhiệm gây hậu quả nghiêm trọng" đối với các bị cáo Lương Văn L1 và Đào Thanh P

Như đã phân tích tại các mục từ [4.1]-[4.6], do cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ hậu quả đối với tội danh mục [4] nên chưa xác định được trách nhiệm của tội phạm này.

[6] Về nghĩa vụ bồi thường do hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra.

Như đã phân tích, do chưa điều ra làm rõ hậu quả do các bị cáo gây ra nên chưa có cơ sở xác định trách nhiệm dân sự.

[7] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, do cấp sơ thẩm chưa điều tra làm rõ những vấn đề như đã phân tích tại các mục nêu trên mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được nên chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, hủy toàn bộ bản án hình sự sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang để giải quyết lại theo thủ tục chung như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh là có căn cứ chấp nhận.

Do hủy bản án sơ thẩm vì thu thập chứng cứ chưa đầy đủ nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết yêu cầu kháng cáo của các bị cáo.

[8] Án phí hình sự phúc thẩm: do hủy bản án sơ thẩm nên các bị cáo K, R, M, V, L, P, L1 không phải chịu theo quy định về án phí lệ, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 355, điểm b khoản 1 Điều 358 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

[1] Chấp kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

Tuyên xử:

Hủy bản án hình sự sơ thẩm số 05/2020/HS-ST ngày 18-5-2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang; chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án cho Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang để giải quyết lại theo thủ tục chung.

[2] Án phí hình sự phúc thẩm: các bị cáo Nguyễn Công K, Phạm Văn R, Trần Thị Thiện M, Lương Văn L1, Đào Thanh P, Nguyễn Thị Thùy L, Đặng Thế V không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực thi hành kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao; (1)
- VKSND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh; (1)
- TAND tỉnh Tiền Giang; (9)
- VKSND tỉnh Tiền Giang; (1)
- Công an tỉnh Tiền Giang; (1)
- Cục THADS tỉnh Tiền Giang; (1)
- Các bị cáo; (8)
- Bị hại; (3)
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (16)
- Lưu hồ sơ vụ án (1). VP 04, 46b. (PPC).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Phan Nhựt Bình